

VV
XBP 4491

PHÒNG HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU 1930 - 2000



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI - 2000

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU 1930 – 2000
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VĨNH CỬU 1930 – 2000
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI – 2000

BAN CHỈ ĐẠO:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN VĨNH CỬU

BAN BIÊN SOẠN:

TRẦN QUANG TOẠI

Thạc sĩ khoa học lịch sử

NGUYỄN PHÁT TRIỂN

Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy

Chương mở đầu

HUYỆN VĨNH CỬU – ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI – TRUYỀN THỐNG

Theo đường liên tỉnh lộ 24, qua khỏi cầu Rạch Gốc, ta bước vào địa phận huyện Vĩnh Cửu. Vĩnh Cửu là một huyện của tỉnh Đồng Nai, nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai có diện tích 1.073,1km² (15.473 hecta), chiều dài Đông tây đoạn dài nhất 32 km, chiều nam bắc đoạn dài nhất 14 km (diện tích rừng tự nhiên 54,862 ha, diện tích mặt nước chuyên dùng 15.857ha).

Huyện Vĩnh Cửu phía tây, tây nam, tây bắc giáp huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; phía đông giáp huyện Định Quán; đông bắc giáp rừng Quốc gia Nam Cát Tiên và huyện Tân Phú; phía nam giáp thành phố Biên Hoà, đông nam giáp huyện Thống Nhất: Nhìn chung về địa thế, huyện Vĩnh Cửu như một bán cù lao với sông Đồng Nai và sông Bé bao bọc từ hướng tây nam lên

đông hắc. Ngoài ra, huyện Vĩnh Cửu còn có hồ thủy điện Trị An tạo thành nhiều đảo lớn nhỏ (hai đảo lớn là Đồng Trường và Ó), tạo thành một cảnh quan sinh thái và môi trường phù hợp với việc khai thác du lịch.

Dân số huyện Vĩnh Cửu là 101.255 người¹ gồm nhiều thành phần dân tộc như: Kinh, Stiêng, Chơ ro (chủ yếu ở Phú Lý)..., trong đó người dân tộc Kinh chiếm trên 95%; mật độ dân số 94,35 người/km².

ĐỊA LÝ LỊCH SỬ HUYỆN VĨNH CỬU

Lịch sử địa lý huyện Vĩnh Cửu gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của tỉnh Đồng Nai trên 300 năm.

Trước thế kỷ 17, vùng đất thuộc huyện Vĩnh Cửu ngày nay còn là một vùng đất rừng rậm hoang vu, bởi như nhà sử học Lê Quý Đôn trong tác phẩm Phủ Biên tạp lục viết vào thế kỷ 18 vẫn cho rằng đất Đồng Nai (tức Nam bộ) từ Soi Rạp đến cửa Đại, cửa Tiểu là rừng rậm kéo dài hàng nghìn dặm. Người Việt có mặt trên đất Vĩnh Cửu có lẽ vào thế kỷ 17. Họ là những người nông dân phản kháng sự áp bức của chế độ phong kiến và chống đối chiến tranh của hai tập đoàn Trịnh (phía Bắc) và Nguyễn (phía Nam), nên đã tìm về phía Nam để sinh sống. Từ Mao Xoài (Bà Rịa), người Việt có khi đi lẻ tẻ, khi đi thành từng nhóm đã theo sông Lòng Tàu rồi ngược sông Đồng Nai, và cuối cùng tìm được mảnh đất phì nhiêu ven sông Đồng Nai để định cư và canh tác. Địa điểm đầu tiên có thể là Bến Cá².

Cùng với Cù lao Phố, vùng Bến Cá là một trong những địa phương sớm có người Việt đến lập làng, khai phá.

1. Từ 1679 đến 1945.

Ngược dòng thời gian, năm Kỷ Mùi 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) đã chấp thuận cho nhóm người hoa “bài Mãn phục Mệnh” do Trần Thượng Xuyên cầm đầu vào đất Giản Phố (Cù lao Phố) sinh sống và tiếp tục cùng người Việt khai phá. Theo Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức thì cuối thế kỷ 17, số dân sinh sống ở đất Đồng Nai (tức Nam bộ) đã trên 4 vạn hộ. Đó chính là cơ sở để năm Mậu Dần 1698, chúa Nguyễn

¹ Theo số liệu Cục Thống kê Đồng Nai năm 1998

² Theo “Làng Bến Cá xưa và nay” của Diệp Đình Hoa và Phan Đình Dũng, Nxb Đồng Nai 1998 trang 17 thì: “Địa danh này có thể đã hình thành từ thế kỷ XVII với sự định cư của người Việt”. “... những con người ở đây vẫn giữ được một địa danh Bến Cá để ghi nhận quá trình phát triển của mình”.

Phúc Chu cử Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược phía Nam nhằm thiết lập bộ máy quản lý hành chính, đưa vùng đất mới ở phương Nam vào lãnh thổ nước Đại Việt. Ông lấy xứ Đồng Nai đặt làm phủ Gia Định gồm hai huyện Tân Bình có dinh Phiên Trấn và huyện Phước Long có dinh Trấn Biên.

Năm 1808, vua Gia Long (Nguyễn Ánh) đổi tên đất Nam bộ từ phủ thành Gia Định thành. Dinh Trấn Biên thành trấn Biên Hoà, huyện Phước Long thăng lên thành phủ có 4 huyện là Long Thành, Bình An, Phước Chánh và Phước An. Huyện Phước Chánh bao gồm cả vùng đất ngày nay thuộc huyện Vĩnh Cửu. Theo sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức (viết năm 1820) huyện Phước Chánh có hai tổng Phước Vinh (46 thôn) và Chánh Mỹ (36 thôn). Huyện Vĩnh Cửu là vùng đất thuộc tổng Phước Vinh.

Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập địa bạ các tỉnh để quản lý đất đai. Theo địa bạ này, huyện Phước Chánh từ 2 tổng tách thành 6 tổng³. Địa bàn huyện Vĩnh Cửu ngày nay thuộc hai tổng Chánh Mỹ Trung và Chánh Mỹ Hạ.

Sách Biên Hoà sử lược của Lương Văn Lựu xuất bản năm 1960 cụ thể hơn về các thôn xã của hai tổng này vào năm 1878 như sau:

+ Tổng *Phước Vinh Trung* có 8 làng:

- Bình Thạch (xứ Thạch Bàn Khê)

- Bình Ý (xứ Sa Chử)

- Bửu Long (Long Ân) có 2 ấp: Bình Điện, Bạch Khôi

- Tân Phong (xứ Đồng Tràm)

- Tân Triều Đông (xứ Cù Lao) có 3 ấp: Long Hoà, Tân Xuân, Tân Vinh.

- Tân Triều Tây (xứ Cù Lao) có 3 ấp: Cẩm Vinh, Tân Đức, Tân Thành.

- Thạnh Phước (xứ Sông Hén) có 4 ấp: Bình Hậu, Bình Mỹ, Tân Thạch, Hàm Hoà.

- Thới Sơn (xứ Đàm Ngự, Hoà Quới) có 2 ấp: Bình Thới, Bình Sơn.

+ Tổng *Phước Vinh Hạ* có 12 làng:

- Bình Lợi (Châu Sa) có 2 ấp: Thạnh Hoà (Bàu Tre) và ấp Chợ.

- Bình Ninh có 3 ấp: Nhất, Nhì (gò Cây), Ba.

³ Sáu tổng là Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ

- Bình Phú có 2 ấp: Bình Lục, Long Phú.
- Bình Thạnh có 3 ấp: Bình An (Cây Đào), Thạnh Hoà (Cây Quáo), Thạnh Phú.
- Bình Thảo có 2 ấp: Bình Định (chợ Bến Cá), Bình An (xóm Búng).
- Đại An có 3 ấp: Thanh An (Bến Nôm) Bình An Chánh, Trị An (Bến Vĩnh).
- Long Lộc có 2 ấp: Long Chánh, Đa Lộc.
- Tân Định có 1 ấp Cầu Xoay và 2 xóm: Đồn và xóm Cháy.
- Tân Hiền có 2 ấp: Tân Khai, Hiền Quan.
- Tân Phú có 2 ấp: Tân Huệ, Phú Trạch (hóc Kè).
- Xuân Hoà (Bình Thạnh)
- Thiện Quang có 5 ấp: Thiện Hoà, Lân Thành, Thạnh Hoà, Thới Hoà, Đồng Lách.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN VINH CỬU			
BẢNG ĐỐI CHIẾU LÀNG XÃ TỔNG PHƯỚC VINH TRUNG, PHƯỚC VINH HẠ (tức huyện Vinh Cửu ngày nay) các năm 1897, 1901, 1924, 1939.			
Năm 1897	Năm 1901	Năm 1924	Năm 1939
Tổng Phước Vinh Trung	Tổng Phước Vinh Trung	Tổng Phước Vinh Trung	Tổng Phước Vinh Trung
Bình Ý	Bình Ý	Bình Ý	Bình Ý
Tân Phong	Tân Phong	Tân Phong	Tân Phong
Tân Triều Đông	Tân Triều Đông	Tân Triều Đông	Tân Triều
Tân Triều Tây	Tân Triều Tây	Tân Triều Tây	Bửu Long
Bình Điền	Bửu Long	Thới Sơn	Bình Thạnh
Bạch Khôi	Thới Sơn	Bình Thạch	
Bình Thái	Bình Thạnh	Bình Phước	
Bình Sơn	Bình Phước		
Bình Thạch			
Bình Hậu			
Bình Mỹ			
Hàm Hoà			
Tân Thạnh Đông			

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN VINH CỬU 1930 - 2000			
Tổng Phước Vinh Hạ	Tổng Phước Vinh Hạ	Tổng Phước Vinh Hạ	Tổng Phước Vinh Hạ
Tân Định	Tân Định	Tân Định	Tân Định
Bình An Chánh	Đại An	Đại An	Đại An
Trị An	Tân Hiền	Tân Hiền	Tân Phú
Tân Hiền	Loông Lọc	Long Lộc	Bình Thạnh
Đa Lộc	Tân Phú	Tân Phú	Lợi Hoa
Long Chánh	Bình Thạnh	Bình Thạnh	Bình Long
Phú Trạch	Bình Phú	Bình Phú	Bình Phước
Bình Thạnh	Bình Lợi	Bình Lợi	Thiện Tân
Bình Lục	Bình Ninh	Bình Ninh	
Long Phú	Bình Thảo	Bình Thảo	
Bình Lợi	Thiên Quan	Thiên Quang	
Bình Ninh	Xuân Lộc	Xuân Lộc	
Bình Thảo		Tân Hoà	
Thiên Quan			
Xuân Hoà			
Tân Huệ Đông			
Tân Khai			

2. Từ 1945 đến 1954.

Huyện Vĩnh Cửu là huyện Châu Thành đất rộng người đông bao quanh thị xã Biên Hoà. Đối với chính quyền thực dân Pháp và tay sai, địa lý hành chính của vùng đất thuộc huyện Vĩnh Cửu gần như không thay đổi như trước năm 1945. Nhưng với kháng chiến, địa lý hành chính có thay đổi theo yêu cầu nhiệm vụ cách mạng:

+ *Từ 1945 đến 1948*, huyện Vĩnh Cửu ngày nay thuộc quận Châu Thành. Ngoài các xã Bình Hoà, Bình Ý, Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu còn bao gồm các xã Tân Hạnh, Tân Hiệp, Bình Trị, Trảng Bom (cả Hố Nai, thuộc huyện Thống Nhất), Tam Hiệp, Tân Phong, Tân Thành, Hoá An, Bửu Hoà, Tân Vạn, Hiệp Hoà (nay thuộc thành phố Biên Hoà), Tân Hưng, An Hoà, Long Hưng, Phước Tân (nay thuộc huyện Long Thành). Các xã Bình Phước, Bình Thạnh, Lợi Hoà, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An thuộc huyện Tân Uyên.

+ *Từ năm 1948 đến 1954*, huyện Vĩnh Cửu được thành lập. Địa bàn huyện gồm những xã kể trên cộng thêm 7 xã: Bình Thạnh, Lợi Hoà, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An (của huyện Tân Uyên chuyển giao).

3. Từ 1954 đến 1975.

+ Với chính quyền Sài Gòn, từ năm 1954 đến 1963, địa bàn huyện Vĩnh Cửu thuộc tổng Phước Vĩnh Trung của quận Châu Thành gồm các xã: Tân Phong, Bửu Long, Bình Hoà, Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước, Bình Long, Lợi Hoà, Bình Thạnh, Tân Phú, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An (năm 1959, địch thành lập tỉnh Phước Thành, trong đó có các xã: Bình Phước, Bình Thạnh, Tân Phú, Lợi Hoà, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An).

Năm 1963 đến 1975, chính quyền Sài Gòn lập huyện Công Thanh gồm các xã Bình Ý, Bình Hoà, Tân Triều, Bình Phước, Bình Long, Lợi Hoà, Tân Phú, Bình Thạnh, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An, Thái Hưng.

+ Với kháng chiến, từ năm 1960, huyện Vĩnh Cửu chuyển giao các xã Tân Vạn, Bửu Hoà, Hoá An, Tân Hạnh, Bình Trị, Tân Hiệp về huyện Dĩ An, Lái Thiêu; các xã Tân Phong, Bửu Long, Bửu Hoà, Hoá An, Hiệp Hoà, Tam Hiệp về cho thị xã Biên Hoà, các xã An Hoà, Long Hưng, Phước Tân... về cho huyện Long Thành; các xã Trảng Bom, Hố Nai về cho Ban cán sự di cư (sau là huyện Trảng Bom, Thống Nhất). Huyện Vĩnh Cửu còn lại các xã Trị

An, Đại An, Tân Định, Thiện Tân, Tân Phú, Bình Thạnh, Bình Ý, Bình Long, Lợi Hoà, Bình Phước, Tân Triều, Bình Hoà, Bửu Long, Tân Thành, Tân Phong.

Tháng 9-1965, huyện Vĩnh Cửu cùng thị xã Biên Hoà thuộc tỉnh Biên Hoà (U1) gồm các xã: Bình Hoà, Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Bình Thạnh, Lợi Hoà, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An. Tháng 5- 1971, huyện Vĩnh Cửu nhập cùng huyện Trảng Bom bao gồm luôn các xã của huyện này. Tháng 10-1972 đến tháng 4-1975, huyện Vĩnh Cửu tái lập thuộc tỉnh Biên Hoà (nông thôn), có địa giới hành chính như tháng 9-1965.

Năm 1985, huyện Vĩnh Cửu đổi thành thị xã Vĩnh An, địa giới hành chính bao gồm hai lâm trường Mã Đà và Hiếu Liêm, 2 phường Trị An và Cây Gáo cùng 11 xã: Bình Hoà, Bình Phước, Tân Triều, Bình Ý, Lợi Hoà, Bình Thạnh, Tân Phú, Bình Long, Thiện Tân, Tân Định, Đại An.

Ngày 29-8-1994, Chính phủ ra Nghị định số 109/CP, thành lập lại huyện Vĩnh Cửu gồm 1 thị trấn Vĩnh An và 9 xã là Bình Hoà, Bình Lợi (Bình Long-Lợi Hoà), Phú Lý, Tân An (Đại An-Tân Định), Tân Bình (Tân Triều - Bình Ý - Bình Phước), Thạnh Phú (Bình Thạnh - Tân Phú), Thiện Tân, Trị An (phường Trị An), Vĩnh Tân (phường Cây Gáo).

II. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

Huyện Vĩnh Cửu thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa. Mỗi năm có hai mùa (nhưng không ổn định), mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 và mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa không đều, lớn nhất ở khu vực Trị An, thường vào tháng tám lưu lượng mưa lớn nhất từ 2.000 - 2.500mm.

Về thổ nhưỡng, huyện Vĩnh Cửu thuộc vùng thoái và dốc, có thể chia làm 3 loại đất chính:

+ Đất phù sa mới: Phân bố dọc sông Đồng Nai từ ngã ba sông Bé và sông Rạch Đông đến Tân An, Thiện Tân, dốc hai bên sông Rạch Đông xuống Bình Lợi, Tân Bình, Bình Hoà... thuộc loại đất phù sa mới thích hợp với việc trồng các loại cây lương thực như lúa, cây công nghiệp như mía, đậu các loại, cây ăn trái như bưởi, nhãn...

+ Đất đỏ trên đá phiến thạch và biến chất: Nhóm đất này thường có độ cao từ 100 đến 300 mét, độ dốc chung 20m như ở Trị An, Tân An. Đất thích hợp với việc trồng rừng hay trồng cỏ chăn nuôi gia súc, các loại cây công nghiệp như cao su, trà, cây lương thực như bắp, mì, khoai...

+ Đất nâu vàng trên phù sa cổ: Có địa hình gợn sóng, độ cao từ 10 đến 45m, độ dốc trung bình dưới 10m. Loại đất này có ở các xã Tân Bình, Thanh Phú, Bình Lợi, Thiện Tân, có thể canh tác các loại cây ăn trái có rễ sâu, chịu hạn như mía, đào lộn hột, xoài...

Ngoài sông Đồng Nai chảy qua huyện từ Trị An đến Bình Hoà, Vĩnh Cửu còn có những sông nhỏ như sông Thao với hai nguồn từ nam Bàu Cá, có độ cao bình quân 60m, suối đầu nguồn tên Sông Thao; nguồn thứ hai từ khu vực suối Đĩa có độ cao 48m với con suối nhỏ tên Sân Mây. Hai suối Sông Thao và Sân Mây nhập lưu ở độ cao 30m thành sông Rạch Đông, đoạn hạ lưu đổ vào sông Đồng Nai ở xã Thiện Tân gọi là suối Bà Lòng.

Sông Đồng Nai có nhiều bậc thềm, có thể xây dựng nhiều công trình thủy điện. Nếu trước đây, đường sông Đồng Nai lên đến thác Trị An là một thử thách to lớn đối với việc lưu thông thủy, như tác giả Rô-be viết năm 1923 trong quyển "Vài nét về địa dư tỉnh Biên Hoà": "...Sông còn chảy qua An Ké hang, Vĩnh An, Bến Nôm, Cây Gáo, Đại An, Trị An. Giữa hai làng có những ghềnh đá diệp thạch khác làm trở ngại sự lưu thông trên một chiều dài 12 km. Con sông chảy thành nhiều thác con khi nước ròng và thành những thác lớn trong mùa mưa. Thác Trị An có những tảng đá hiểm trở nhất được người ta gọi là Hàn Ông Sâm, rất nhiều khối với đầy đủ kích thước nằm chông chênh ở lòng sông và dường như thách thức mọi dự án vét lòng sông để thông thương...". Ngày nay, dựa vào địa thế thiên nhiên, với nỗ lực của cả nước, huyện Vĩnh Cửu đã có thủy điện Trị An khởi công từ ngày 22-2- 1982 và cơ bản hoàn thành vào năm 1987.

Hồ Trị An nằm trên địa phận xã Cây Gáo, cách thành phố Biên Hoà 35km về phía đông. Đập hồ Trị An có chiều dài 420m, cao 37m (đập phụ suối Rộp cao 45m), diện tích mặt nước 32km². Đây là công trình thủy điện lớn ở miền Nam, đảm bảo nguồn điện cung cấp cho các tỉnh, thành phía Nam (công suất 4 tổ máy là 400MW), cung cấp nguồn nước canh tác cho Đồng Nai, Bình Dương và một phần của thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, hồ còn có công dụng điều tiết lũ, nuôi trồng thủy sản, cải thiện môi trường sống và tạo ra những cảnh quan du lịch thích hợp.

Rừng Vĩnh Cửu một thời "che bộ đội, vây quân thù" với nhiều loại thực, động vật quý hiếm. Đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp trong chính sách khai thác và bóc lột tài nguyên thiên nhiên, đã từng khai thác rừng ở Cây Gáo, Trảng Bom để chế biến và xuất khẩu gỗ. Trong kháng chiến chống Mỹ, rừng Vĩnh Cửu bị phá hủy do Mỹ dùng chất khai hoang và các loại chất độc

hoá học khác. Hơn 25 năm khôi phục và trồng rừng phủ xanh đồi trọc, hiện nay huyện Vĩnh Cửu là địa phương có diện tích đất rừng và đất lâm nghiệp lớn nhất trong tỉnh Đồng Nai với diện tích 72.799 ha (lâm trường nguyên liệu giấy Trị An 5.330 ha, lâm trường Hiếu Liêm 18.345 ha; lâm trường Mã Đà 26.966 ha, lâm trường Vĩnh An 21.735 ha).

Về khoáng sản, Vĩnh Cửu có cát xây dựng được khai thác dọc theo sông Đồng Nai ở xã Thiện Tân; mỏ đất sét ở Thiện Tân, Đại An, Trị An dùng để sản xuất vật liệu xây dựng; mỏ đá (xây dựng) ở Bình Hoà, Thiện Tân, Cây Gáo. Ngoài ra, Vĩnh Cửu còn có mỏ đá Puzolan, một phụ gia quan trọng cho việc sản xuất xi măng ở Bình Hoà, Vĩnh Tân, Cây Gáo, Tân An, Bà Miêu... Đây là một trong những tiềm năng có thể khai thác ở huyện để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế địa phương.

III. ĐỊA LÝ KINH TẾ

Nam bộ là vùng đất mới, dân còn thưa. Để đẩy nhanh tốc độ khẩn hoang, phát triển kinh tế, các vương triều nhà Nguyễn đã thực hiện chính sách khẩn hoang thông thoáng bằng cách cho phép “mọi người phân chiếm ruộng đất”. Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn còn chiêu mộ những người “có vật lực” vào khai phá có quy mô lớn hơn trước. Nhà Nguyễn đã cho lập những đồn điền, khuyến khích binh sĩ tại ngũ khẩn hoang những vùng đất lâu nay bỏ hoang vì chiến tranh. Chính sách khẩn hoang thông thoáng đó làm cho bộ mặt kinh tế của Trấn Biên nhanh chóng thay đổi theo hướng phát triển. Những vùng sông rạch thuận lợi như Bến Cá (Tân Bình), cù lao Tân Triều... nhanh chóng trở thành những đầu mối giao lưu trao đổi mua bán các loại hàng lâm, ngư, nông sản địa phương. Các chợ Bến Cá (Tân Bình), Cây Đào (Thanh Phú), Dỏ Sa (Bình Lợi)... của Vĩnh Cửu đến đầu thế kỷ 20 vẫn còn là một trong những chợ có tính chất đầu mối trong tỉnh Biên Hoà.

Theo Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn, đến cuối thế kỷ thứ XVIII, ruộng thực trưng ở Biên Hoà - Đồng Nai đã hơn 786 mẫu, chưa kể các khoảng ruộng núi, đất trồng dâu, mía, trầu và ruộng các kiếng họ lớn, ruộng quan đồn điền. Theo địa bạ Biên Hoà năm 1836, trong số 14.129 mẫu khai khẩn trong toàn tỉnh Biên Hoà, thì huyện Phước Chánh (tức Vĩnh Cửu) chiếm đến 3.342 mẫu (1 mẫu = 0,5 ha). Đất ven sông Đồng Nai thuộc hai tổng Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ tương đối phì nhiêu được trồng lúa. Phước Chánh là nơi có ruộng thấp, đất cao được người dân bố trí lịch canh tác: ruộng đất thấp cấy tháng 6, gặt tháng 9; ruộng đất cao cấy tháng 7, gặt tháng 11. Còn các loại hoa màu khác như đậu thì gieo vào tháng 4, thu hoạch

tháng 6, bắt gieo cùng thời điểm nhưng thu hoạch trễ hơn một tháng, mía trồng tháng 1, thu hoạch tháng 12⁴.

Ngoài trồng lúa, người dân ở vùng đất Vĩnh Cửu còn trồng dâu, mía, các loại khoai, các loại cây ăn trái. Sách Đại Nam nhất thống chí cho biết mía huyện Phước Chánh tỉnh Biên Hoà rất nổi tiếng. Mía thơm ngọt ở đây dùng chế biến đường cát trắng nổi tiếng khắp Nam bộ. Hàng năm, lượng đường bán cho các thương lái tới 630.000 cân (= 390 tấn)⁵. Cù lao Tân Triều xưa nổi tiếng với nghề trồng trầu. Bưởi Tân Triều từ xưa nổi tiếng là bưởi Biên Hoà, với nhiều loại như thanh trà, bưởi đường (đường da láng, đường lá cam), bưởi xiêm, bưởi ổi. Bưởi Biên Hoà từng được ví với những món ngon, thắng cảnh nơi khác:

Biên Hoà có bưởi thanh trà

Thủ Đức nem nướng, Điện bà Tây Ninh

Vĩnh Cửu là nơi có nghề thủ công khá phát triển. Khu vực từ Bửu Long lên Bình Hoà, Bình Ý, Bình Phước, Tân Phong... xưa có mỏ đá ong (phong thạch). Khi đất còn chưa ráo, người thợ có thể chặt ra thành khối tùy theo thước tắc rộng dài tùy ý, khi đất khô lại thành đá rắn chắc, có thể dùng để xây vách tường, sân hè, cừ sông, làm phân mộ. Đá ong Vĩnh Cửu thường được các tỉnh miền Tây Nam bộ ưa dùng. Địa danh Lò Thổi ở Tân Phú có lẽ là nơi phát triển của nghề rèn đúc kim loại xưa ở Vĩnh Cửu.

IV. ĐỊA LÝ NHÂN VĂN

Vĩnh Cửu là địa bàn cư trú lâu đời của người cổ xưa. Nhiều khu vực không xa Vĩnh Cửu như Mỹ Lộc (hữu ngạn sông Đồng Nai), cù lao Rùa (Tân Uyên), Dốc Mơ (Thống Nhất), Cái Vạn (Long Thành)... đã được khai quật và đã phát hiện nhiều di chỉ khảo cổ đồ đá, đồ đồng.

Trong khi khai thác cát ven sông Đồng Nai, người dân Tân Triều đã phát hiện nhiều di vật khảo cổ, nhưng hầu hết những hiện vật này không nằm trong tầng văn hoá cổ nên khó đoán định được về niên đại. Nhiều hiện vật đã bị tẩu tán. Bảo tàng Đồng Nai còn lưu giữ lại một số hiện vật khảo cổ, trong đó có 1 bát đồng mang phong cách Đông Sơn, hình dáng khá độc đáo. Trong quá trình khai khẩn đất làm ruộng, rẫy, nhiều người dân ở Bình Phước, Tân Triều, Bình Thạnh, Thiện Tân phát hiện những di vật khảo cổ bằng đá như

⁴ Nguyễn Thế Anh – Kinh tế và xã hội dưới triều các vua Nguyễn – Nxb Lửa Thiêng 1971. Trích lại trong “Biên Hoà – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển”. Nxb Đồng Nai 1998, tr. 106.

⁵ Sách đã dẫn, trang 107.

riêu đá, riêu có vai, riêu bốn tứ giác và nhiều mảnh gốm, sứ. Những phát hiện này có thể cho biết rằng cách đây trên dưới 4.000 năm, người xưa đã đến cư trú trên vùng đất này, cùng nằm trong hệ thống của nền văn minh Đồng Nai.

Ở Cẩm Vinh (Tân Triều), một gia đình trong quá trình làm vườn đã phát hiện nhiều hiện vật đá, gốm, sứ, đồng thau, trong đó có 2 đồng tiền đồng thau có đúc chữ nổi: Gia Long thông bảo, Minh Mạng thông bảo. Trong hàng gốm sứ, nhiều nhất là các loại đĩa men hoa lam thời nhà Thanh (Trung Quốc) thế kỷ 18, 19 và gốm men lam Huế thế kỷ 19. Trên các mảnh đáy tròn đĩa hay bát thường có ghi 2 chữ: Hòa Minh, Tân Hưng, Hiệp Hưng, Nguyên Y, Kim Thông, Thổ Đáng và nhiều ký hiệu khác⁶.

Năm 1985, trong chương trình điều tra khảo cổ học khu vực ngập nước lòng hồ Trị An, các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều di tích hoặc vết tích văn hoá Óc Eo trên địa bàn Vĩnh Cửu.

Các di tích khảo cổ học Gò Ông Tùng, bô Chiêu Liêu, Cây Gáo I và Cây Gáo II được xây dựng bằng gạch mộc (gạch phơi khô hoặc nung), có bình đồ kiến trúc hình chữ nhật, chính giữa xây huyệt thờ hình vuông, bên trong nện chặt đá, cát, gạch. Bên trên kiến trúc có mái che bằng gỗ, tre lá. Các nhà khảo cổ xác định khung niên đại những di tích này từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ III sau công nguyên⁷.

Niên đại khá sớm của những di tích này cho thấy Vĩnh Cửu có thể là điểm khởi đầu của nền văn hóa Óc Eo đã một thời kỳ phát triển ở miền Tây Nam bộ vào thế kỷ thứ III, thứ IV sau công nguyên. Và cư dân ở đây có thể là thuộc quốc của Phù Nam, ảnh hưởng văn hoá Óc Eo thông qua đạo Hin du, Ấn Độ giáo.

Ở những địa điểm khảo cổ Rạch Đông, Đồng Bơ, Suối Ràng đã phát hiện những di tích kiến trúc, tượng thờ có khung niên đại từ thế kỷ thứ VI đến thế kỷ thứ X sau công nguyên. Như vậy, có thể thấy đây là khu vực thuộc không gian văn hoá Óc Eo, nhưng phát triển có tính độc lập hơn, bởi văn hoá Óc Eo ở đồng bằng sông Cửu Long đã suy tàn vào thế kỷ thứ VI, VII.

⁶ Bến Cá xưa và nay. Sách đã dẫn, trang 45

⁷ Theo "Biên Hoà - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển". Sách đã dẫn, trang 59.

Nhân dân huyện Vĩnh Cửu mang tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, ông bà, nhiều lễ nghi như cưới hỏi, tang lễ còn giữ được tập tục truyền thống như nhân dân ở Nam bộ, nhưng có đơn giản hơn, phù hợp với cuộc sống mới: Trong mỗi nhà ở của người dân, thường nơi trang trọng nhất dành cho việc đặt bàn thờ cúng ông bà, tổ tiên, nhiều vùng có nhà từ đường như ở Tân Triều, Bến Cá, Bình Phước (nhưng cũng chỉ từ năm 1954 trở lại đây). Việc trang trí bàn thờ cũng không khác so với các vùng quê ở Nam bộ, hàng năm việc kỵ giỗ được tổ chức trang trọng, thể hiện tinh thần tôn trọng gia tiên, là dịp sum họp các thế hệ trong gia tộc. Nhiều gia đình, ngoài việc thờ tổ tiên còn thờ cúng Quan Công, thổ công, thổ địa, ông táo, thờ Bà (thờ mẫu).

Lưu dân Việt từ miền Trung, miền Bắc vào, vốn hoài niệm về quê cha đất tổ, giữ gìn truyền thống dân tộc, do đó khi vào Vĩnh Cửu, đoàn kết tương trợ nhau, từ đó hình thành tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội, phổ biến xoay quanh việc xây dựng thờ cúng ở đình, miếu. Đình, miếu ở Vĩnh Cửu với ý nghĩa đó không chỉ là nơi thờ cúng, tế tự, mà còn là nơi diễn ra những sinh hoạt tinh thần mang tính công đồng. Qua việc xây dựng đình, miếu cũng phần nào thể hiện được quá trình hình thành sớm hay muộn của xã ấp, hoặc vùng đất. Hầu hết các xã trong huyện Vĩnh Cửu đều có đình làng, đặc biệt như xã Tân Bình có đến 12 đình. Hầu hết đình thờ những vị phúc thần, Thành hoàng bản cảnh, hoặc những anh hùng dân tộc có công với dân tộc, đất nước. Mỗi đình hàng năm đều có lễ kỳ yên riêng. Trong việc cúng lễ thường tổ chức hình thức diễn xướng nghệ thuật truyền thống dân gian như xây chầu đại bội ở lễ kỳ yên cúng đình và hát múa Địa nàng- bóng rối ở lễ hội cúng miếu⁸.

Ngoài tín ngưỡng truyền thống, Vĩnh Cửu là nơi đạo Phật và Thiên chúa phát triển khá sớm so với nhiều vùng ở Nam bộ.

Một trong những ngôi cổ tự nổi tiếng là chùa Kim Cang ở Tân Bình. Chùa là nơi tổ Nguyễn Thiều, Siêu Bạch, nguyên dòng Lâm Tế đời thứ 33, sơ tổ dòng Lâm Tế Việt Nam. Chùa bị tàn phá bởi chiến tranh vào năm 1945, năm 1962 được nhân dân xây lại trên nền chùa Thanh Long. Theo Việt Nam Phật giáo sử lược của Mật Thế xuất bản năm 1960, Nguyễn Thiều họ Tạ, quê ở Trịnh Hương, Triều Châu tỉnh Quảng Đông, xuất gia lúc 19 tuổi và sang Việt Nam năm 1665, viên tịch ngày 19/10. Theo Lược sử Phật giáo Việt Nam 1993, thì Nguyễn Thiều viên tịch năm 1721, thọ 81 tuổi. Tại chùa Kim Cang

⁸ Một trong những nghệ nhân múa bóng rối nổi tiếng ở xã Tân Bình là “Bà bóng Tời”, tục danh là Bùi Văn Tời.

có một ngôi tháp có tên gọi là tháp Sở Khinh Kim Cang hay còn gọi là tháp Nguyên Thiều. Chưa biết là tháp vọng hay tháp thật, cần phải nghiên cứu thêm. Tháp được xây 3 tầng, 6 cạnh, trước tháp có một bia bằng đá xanh có ghi: *Quốc Ân Kim Cang đường thượng tam thật tam thế hùỵ Siêu Bạch Hoán, Bích tổ sư chi mộ* (Mộ của tổ sư chùa Kim Cang Quốc Ân, đời thứ 33, húy Siêu Bạch Hoán Bích).

Tân Triều huyện Vĩnh Cửu cũng là địa bàn đạo Thiên chúa được truyền bá khá sớm từ thế kỷ 18. Năm 1778, khi chủng viện Hòn Đất (Kiên Giang) bị tàn phá, giám mục Bá Đa Lộc đã dời cơ sở về tại Tân Triều, là một trung tâm truyền giáo đạo Thiên chúa sớm và quan trọng ở Đàng trong. Nhà thờ đã nhiều lần được trùng tu, sửa chữa. Từ 1778 đến nay, nhà thờ đã trải qua 38 giám mục, linh mục cai quản. Nhà thờ có diện tích 475 m² nền cao trên 1m bằng đá ong.

Nhà thờ có hai chuông lớn được đúc năm 1866 và 1897. Tháp chuông nhà thờ cao 5,47m được xây dựng từ năm 1873 mang phong cách châu Âu, với lối kiến trúc thủ công độc đáo, có thể nói là một công trình kiến trúc nghệ thuật phản ánh mối giao lưu văn hoá buổi đầu tiếp xúc giữa hai nền văn hoá Đông - Tây. Ngày 24-6-1994, tháp chuông được xây dựng lại, hoàn thành ngày 24-6-1995, cao 20m.

Nhân dân huyện Vĩnh Cửu bao gồm nhiều giai cấp như nông dân, từ xưa vốn sống với nghề hạ bạc, trồng trọt, chăn nuôi, đa số là nông dân nghèo, làm thuê, làm mướn, cuộc sống thiếu thốn hụt hẫng. Một bộ phận sinh sống bằng nghề thủ công như thợ đúc đá, thợ rèn, kiếm ăn từng bữa một. Một bộ phận tiểu tư sản trí thức, làm công chức cho Pháp như kiểm lâm, đốc học, thầy giáo. Trong đội ngũ trí thức đó, trước năm 1945 đã nổi lên với nhà văn Lý Văn Sâm (1921) ở làng Bình Long, sau này trở thành nhà văn nổi tiếng với "chuyện đường rừng", tham gia cách mạng trước năm 1945, trở thành Tổng thư ký đầu tiên của Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai. Nhà văn Hoàng Văn Bôn (1930) cũng người làng Bình Long (nay là xã Bình Lợi), đi kháng chiến năm 1945, thầy giáo, nhà văn từng đoạt nhiều giải thưởng văn học lớn trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ trong nước; Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai.

Huyện Vĩnh Cửu cũng là nơi sớm ra đời đội ngũ giai cấp công nhân. Năm 1910, phủ Toàn quyền Đông Dương cấp cho tập đoàn BIF (Công ty Biên Hoà kỹ nghệ và lâm nghiệp) vùng đất nhượng 28.000 ha để khai thác

cây rừng phục vụ cho việc chế biến gỗ xuất khẩu của nhà máy BIF Biên Hoà; về sau mở ra 3 tiểu khu, rồi năm 1925, 1926 thành 3 đồn điền cao su Cây Gáo, Trảng Bom, Túc Trưng thuộc công ty cao su LCD của tư bản Pháp (Công ty cao su Đồng Nai).

Việc phá rừng trồng cao su chủ yếu dựa vào thủ công, nguồn nhân lực tại chỗ không đủ, tư bản Pháp cho mộ phu công tra từ các tỉnh miền Trung, miền Bắc vào khai thác. Ngoài việc phải chịu đựng thời tiết khắc nghiệt với những cơn sốt rét rừng, người công nhân cao su ở Vĩnh Cửu còn phải chịu đựng chế độ lao động khổ sai, đi làm khi trời chưa sáng đến tối mịt mới về lán trại, lương không đủ sống, bệnh đau không thuốc uống, lại thường xuyên bị cai, xu đánh đập, thật là:

Bán than đổi máy đồng xu

Thịt da vùi góc cao su mấy tầng.

(thơ Tố Hữu)

Từ sau năm 1954, nhiều sở cao su tư nhân ở Vĩnh Cửu được thành lập, công nhân hầu hết là người tại chỗ, như các sở: Thầy Tư An (Nguyễn Văn Nghi), Trần Quang Nghiêm, Nguyễn Văn Mun, Đốc phủ Thanh (Võ Hà Thanh), Lý Thành Lan, Khuru Hoà, Lê Hựu Cơ (tức sở Bà Bành)...

Cuộc sống khổ cực tui nhục, lại xuất thân từ giai cấp nông dân không có ruộng đất bị địa chủ phong kiến bóc lột, nên công nhân cao su ở Vĩnh Cửu có tinh thần dân tộc, yêu nước và đấu tranh chống áp bức, bóc lột.

V. TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH

Vĩnh Cửu là vùng đất mới, dân cư tụ về từ nhiều địa phương, tuyệt đại bộ phận là những người nông dân nghèo khổ cần cù, yêu tự do, phải luôn đối mặt với lam sơn chướng khí, thiên nhiên khắc nghiệt, thú dữ. Họ mang theo truyền thống dân tộc vào vùng đất mới cộng với quá trình thực tiễn đấu tranh để sinh tồn đã góp phần định hình tính cách riêng đáng quý, là tình yêu quê hương, ý chí kiên cường bất khuất, chống áp bức bất công, tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết tương thân tương ái, trung thực, khảng khái...

Những đặc điểm truyền thống, tính cách đó đã góp phần tạo nên sức mạnh của tinh thần chiến đấu bền bỉ, quật cường trong suốt cuộc trường chinh chống các thế lực ngoại xâm và bọn tay sai bán nước.

Xóm Đồn, Xóm Cháy (Tân Định) là nơi một bộ phận quân triều đình nhà Nguyễn do Nguyễn Tri Phương chỉ huy đã lui về xây dựng căn cứ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược khi thành Kỳ Hoà thất thủ năm 1861.

Năm 1914, chiến tranh thế giới lần thứ I bùng nổ. Thực dân Pháp ráo riết bắt thanh niên thuộc địa đi lính và đưa sang chiến trường châu Âu chiến đấu với danh nghĩa “bảo vệ mẫu quốc”. Nhiều thanh niên thuộc các tổng Chánh Mỹ Trung, Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ đã bị bắt giam ở các nhà làng để chờ xuống tàu sang chiến trường Pháp.

Bất bình trước cảnh mất nước, nhà tan, không chịu khuất phục trước kẻ cướp nước, một nhóm thanh niên nhiệt huyết yêu nước đã tổ chức ra Trại Lâm Trung, một tổ chức bí mật với tôn chỉ đuổi Pháp. Trại bí mật tập hợp thanh niên, rèn đúc vũ khí chờ ngày hành sự, trước mắt là tập kích các nhà làng giải cứu thanh niên bị bắt rồi tấn công vào dinh Tham biện Biên Hoà.

Ngày 24-1-1916, Trại Lâm Trung tổ chức tấn công các nhà làng Tân Trạch, Tân Triều Tây... giải cứu nhiều thanh niên bị thực dân Pháp bắt. Ngày 25-1-1916, nghĩa quân Trại Lâm Trung tấn công vào khám đường Biên Hoà, giải cứu thanh niên bị giam giữ, sau đó tấn công vào dinh tỉnh trưởng, cướp được 12 khẩu súng tiểu thương (thương hiệu 1892 và tịch thu 39 bì thuốc đạn). Tuy nhiên, do vũ khí thô sơ, nghĩa quân không thể chống cự với quân Pháp đông hơn và có vũ khí. Cuộc khởi nghĩa không thành nhưng gây tiếng vang rất lớn.

Hồ sơ lưu trữ “Vụ án xử bọn làm ngụy tại tỉnh Biên Hoà” mang số hiệu Q8°135 trong thư tịch Viễn Đông Bắc cổ của Pháp đã mô tả lại phiên toà ngày 27-4-1916, xét xử 66 người của Lâm Trung Trại bị bắt như sau⁹:

Hội đồng xét xử của Pháp ở Biên Hoà cho rằng mục đích của cuộc tấn công do Trại Lâm Trung tổ chức “chủ ý có một điều: muốn xích khử Người Lang sa (Pháp) ra khỏi Đông Dương này. Quân làm ngụy tại Biên Hoà trong ngày 25-1-1916 đã khởi sự làm loạn rồi. Có kẻ đánh vào, lại có kẻ trong ngục vượt ngục đánh ra”. Lời kết tội của thực dân cho chúng ta thấy rõ rằng Trại Lâm Trung là một tổ chức yêu nước có vũ trang, có tôn chỉ mục đích hoạt động và cuộc tấn công có tổ chức khá chu đáo.

Toà án thực dân Pháp đã tuyên án như sau:

+ *Xử tử 9 người:*

⁹ Trần Thái Bình: Cuộc nổi dậy phá khám ở Biên Hoà năm 1916. Tạp chí “Xưa và nay” số 52b năm 1998.

Lê Văn Sót, Nguyễn Văn Tiét, Nguyễn Văn Nam, Lê Văn Khánh, Tu Văn Phan, Cao Văn Lét, Nguyễn Văn Nhan, Phạm Văn Hậu, Nguyễn Văn Hy.

+ *Xử tử vắng mặt 8 người:*

Nguyễn Văn Tung, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Văn Tông, Nguyễn Văn Ngọc, Vương Văn Xương, Nguyễn Văn Ty, Nguyễn Văn Chung, Võ Văn Lét.

+ *Khổ sai chung thân 11 người:*

Lê Văn Hộ, Nguyễn Văn Vàng, Phạm Văn Viên, Nguyễn Văn Thịnh, Lý Văn Thôi, Tống Văn Khôi, Ngô Văn Tiên, Tống Văn Xe, Ngô Văn Trân, Nguyễn Văn Lựu, Nguyễn Văn Hy.

+ *20 năm khổ sai 2 người:*

Lê Văn Hà, Nguyễn Văn Thạch.

+ *10 năm tù 1 người:*

Huỳnh Văn Dinh.

Những người yêu nước của Trại Lâm Trung bị thực dân Pháp kết án, là minh chứng của lòng yêu nước, kiên trung bất khuất của những người dân Vĩnh Cửu trước kẻ thù cướp nước thực dân Pháp.

Thực dân Pháp đã lập trường bắn tại cây Gõ Cụt (ngã ba Dốc Sỏi) để thi hành án tử hình với 9 người yêu nước của Trại Lâm Trung. Thương tiếc và khâm phục nghĩa khí, hy sinh anh dũng của những nghĩa sĩ Lâm Trung, nhân dân đã lập miếu thờ phụng. Sau, nhân dân xây dựng lên thành chùa gọi là chùa Cô hồn, nay là Bửu Hưng tự ở thành phố Biên Hoà.

Huyện Vĩnh Cửu đất không rộng, người không đông (đến 1975, dân số huyện Vĩnh Cửu chỉ trên 40 ngàn), nhưng có vị trí chiến lược về chính trị, quân sự. Về giao thông, Vĩnh Cửu có đường sông Đồng Nai, liên tỉnh lộ 24 chạy cặp sông Đồng Nai dài 40km nối liền thành phố Biên Hoà lên Trị An, đường Thiện Tân từ Hồ Nai lên nhà máy nước Thiện Tân, đường từ ngã ba chợ Sặt lên Trị An. Vĩnh Cửu là chiến trường trọng điểm của tỉnh Biên Hoà có tác dụng uy hiếp và kiềm chế rất quan trọng đối với kẻ thù, là vành đai án ngữ cửa ngõ chiến khu Đ về phía nam; đồng thời là hành lang giao liên quan trọng từ chiến khu Đ qua lộ 1 xuống Long Thành, Bà Rịa. Vĩnh Cửu lại nằm sát ngay thành phố Biên Hoà về phía bắc, nơi đóng nhiều căn cứ chỉ huy đầu

nào của địch ở miền Đông Nam bộ; do đó, Vĩnh Cửu là bàn đạp quan trọng để các lực lượng vũ trang cách mạng tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa và các kho tàng, căn cứ quân sự lớn của Pháp, Mỹ, ngụy; đồng thời là chiến trường rất thuận lợi cho những trận đánh lớn, phục kích, tập kích sâu vào hậu cứ của địch, là chiến trường lý tưởng cho tác chiến du kích và đánh lớn. Nhân dân Vĩnh Cửu có truyền thống yêu nước, rất thuận lợi cho việc xây dựng phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng phong trào chiến tranh nhân dân; đồng thời là nơi cung cấp sức người sức của cho công cuộc kháng chiến.

Trong những năm 30 của thế kỷ 20, huyện Vĩnh Cửu (lúc đó là quận Châu Thành, Biên Hoà), là cái nôi của phong trào cách mạng tỉnh Biên Hoà. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Vĩnh Cửu đã đẩy lên phong trào đấu tranh sôi nổi, là bước tập dượt quan trọng để nâng cao nhận thức cách mạng và hình thức đấu tranh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ (1945-1975), Đảng bộ và quân dân huyện Vĩnh Cửu đã kiên cường bám trụ địa bàn, phát huy tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo trong chiến đấu, kết hợp lực lượng vũ trang địa phương với chủ lực, kết hợp 3 mũi đấu tranh đẩy lui địch từng bước, giành thắng lợi từng phần, tiến lên đánh bại địch hoàn toàn, góp phần vào thắng lợi chung, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Phát huy truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng, trong 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975-2000), Đảng bộ và quân dân Vĩnh Cửu đã vượt qua nhiều khó khăn, ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa xây dựng vừa học tập, từng bước phát triển huyện về kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, góp phần xây dựng một tỉnh Đồng Nai giàu mạnh, công bằng, văn minh.

PHẦN I

THỜI KỲ ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

Chương I

TỪ CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1930 - 1945)

I. CHI BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN BÌNH PHƯỚC – TÂN TRIỀU

Đầu thế kỷ 20, các phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo hệ tư tưởng phong kiến, dân chủ tư sản đều thất bại. Cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối.

Trong bối cảnh đó, với lòng yêu nước nồng nàn, quyết tìm ra con đường cứu dân cứu nước, năm 1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc) đã xuống tàu ra đi tìm đường, cứu nước. Người đã đến các nước châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, vừa học tập, vừa tham gia tổ chức người Việt yêu nước ở hải ngoại. Năm 1917 là Người gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Từ luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người đã tìm ra con đường cứu nước duy nhất đúng. Đó là con đường cách mạng vô sản.

Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây không chỉ là bước ngoặt tư tưởng quan trọng của Người, mà còn là bước ngoặt đối với cách mạng nước ta. Năm 1925, Người thành lập tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng (tức Việt Nam Thanh niên cách mạng Đồng chí hội) là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam và liên tục mở các lớp huấn luyện cán bộ cách mạng cho Việt Nam, chuẩn bị những điều kiện về lý luận, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1928, tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng Kỳ bộ Bắc kỳ đã cử đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh, tức Nguyễn Xuân Cừ về đồn điền cao su Phú Riềng công tác để gây dựng cơ sở. Tháng 10-1928, chi bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng được thành lập tại đồn điền cao su Phú Riềng, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư.

Đến giữa năm 1929, tại Việt Nam đã hình thành 3 tổ chức Đảng Cộng sản. Đồng chí Ngô Gia Tự, ủy viên chấp hành Trung ương Đông Dương Cộng sản Đảng được phân công vào Sài Gòn để xây dựng cơ sở Đảng. Đồng chí đã liên lạc với đồng chí Nguyễn Xuân Cừ và trao Điều lệ Đảng để chuẩn bị tuyên truyền thành lập tổ chức Đảng.

Tháng 10-1929, tại một khoảnh rừng làng 3, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Phú Riềng được thành lập do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là chi bộ Cộng sản đầu tiên thành lập ở tỉnh Biên Hoà và ngành cao su Việt Nam. Ngày 3-2-1930, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, 5.000 công nhân sở cao su Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh thắng lợi. Cuộc đấu tranh này có ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào cách mạng ở quận Châu Thành Biên Hoà, mở ra một cao trào đấu tranh mới trong cả nước.

Ngày 3 đến 6-2-1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì cuộc hội nghị hợp nhất 3 tổ chức Đảng trong nước. Đảng Cộng sản Việt Nam được

thành lập. Đây là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta.

Liên tục trong năm 1930, công nhân sở cao su Phú Riềng và công nhân nhà máy cưa BIF (Tân Mai, Biên Hoà) và Trảng Bom đã đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh thắng lợi. Nhiều cuộc mít tinh chào mừng ngày Quốc tế Lao động 1/5, chào mừng cách mạng tháng Mười Nga được tổ chức ở thị trấn Tân Uyên, sở cao su Phú Riềng, nhà máy cưa BIF. Tất cả tạo nên một không khí sôi nổi, ảnh hưởng đến tinh thần yêu nước và cách mạng của nhân dân quận Châu Thành. Tiếng vang của phong trào lan nhanh, nhất là trong tầng lớp thanh niên học sinh ở các tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ... Trong đó có người thanh niên yêu nước Lưu Văn Viết quê ở Bến Cá.

Đồng chí Lưu Văn Viết (bí danh Tư Chà) hoạt động ở Sài Gòn và một số tỉnh miền Tây Nam bộ, trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương và trở về Biên Hoà để gây mầm mống cách mạng.

Về lại quê hương, đồng chí Tư Chà dưới lớp áo người đi bán bánh mì với chiếc xe đạp cũ, đã đi khắp các xã trong hai tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ, đến đâu đồng chí tuyên truyền về chủ nghĩa Cộng sản đến đó. Tại bệnh viện Tâm thần, đồng chí đã giác ngộ và kết nạp vào Đảng người em trai mình là Lưu Văn Văn (Chín Văn). Tại Bến Cá (Bình Phước) đồng chí đã kết nạp đồng chí Huỳnh Văn Phan (Tư Phan)...

Sớm giác ngộ Cộng sản, đồng chí Lưu Văn Viết là người đầu tiên mang ánh sáng cách mạng đến với nhân dân quận Châu Thành, Biên Hoà. Cơ sở cách mạng do đồng chí xây dựng tuy chưa nhiều và rộng, nhưng đó là những hạt nhân tốt cho việc xây dựng cơ sở Đảng sau này ở địa phương.

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu (tức Vỹ, quê ở tỉnh Tiền Giang) được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hoà. Tại Châu Thành, đồng chí bắt được liên lạc với đồng chí Tư Chà và nắm lại những cơ sở do đồng chí Tư Chà xây dựng trước đó. Trên cơ sở này, đồng chí Hoàng Minh Châu đã thành lập chi bộ Đảng Cộng sản Bình Phước - Tân Triều. Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư đồng chí Tư Phan làm Phó Bí thư gồm các đảng viên Lưu Văn Văn, Lưu Văn Viết, Quách Tý; Quách Sanh, Trần Minh Triết. Đây và chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập ở quận Châu Thành và tỉnh Biên Hoà, là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng tỉnh và là nòng cốt để xây dựng Tỉnh ủy lâm thời Biên Hoà sau này.

Để mở rộng tuyên truyền về chủ nghĩa Cộng sản, xây dựng cơ sở cách mạng, chi bộ phân công hai đồng chí Hoàng Minh Châu và Quách Sanh thành lập "Liên đoàn học sinh" ở trường tiểu học Bình Hoà. Trường tiểu học Bình Hoà là trường chung cho cả tổng Phước Vĩnh Trung, học sinh các xã Bửu Long, Bình Hoà, Bình Phước, Bình Ý, Tân Phong, Tân Triều đều học ở đây.

Liên đoàn học sinh tập hợp gần 30 học sinh, là một tổ chức quần chúng của thanh niên nhằm giáo dục tinh thần yêu nước đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong quan hệ hôn, tang tế, trong học tập và sinh hoạt cộng đồng v.v...

Liên đoàn thành lập một đội bóng đá thường xuyên đấu giao hữu với các đội bóng trong và ngoài tổng để mở rộng quan hệ và gây ảnh hưởng trong giới thanh niên học sinh.

Nhiều cuộc du lịch, cắm trại ở suối Lò Ô, Trị An được Liên đoàn tổ chức thu hút nhiều thanh niên tham gia. Những mẩu chuyện về đồng chí Nguyễn Ái Quốc đi tìm đường cứu nước được Liên đoàn khéo léo lồng vào các sinh hoạt. Liên đoàn còn phổ biến các sách báo bí mật để khơi dậy lòng yêu nước của thanh niên. Những hành động áp bức nhân dân của bọn tề, tổng, tiêu biểu là cai tổng Thạch ở Bình Long được truyền nhau để giáo dục tinh thần giai cấp cho thanh niên.

Qua các hoạt động mang tính chất trẻ trung giáo dục nhẹ nhàng, Liên đoàn đã tạo được phong trào thanh niên, học sinh sôi nổi, lôi cuốn nhiều tầng lớp thanh niên ở Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ.

Nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1935, Liên đoàn học sinh tổ chức rải truyền đơn ở Bình Hoà, Bình Ý, Bình Thạnh... nội dung ca ngợi tinh thần đấu tranh của giai cấp công nhân. Tuy nhiệt tình, nhưng Liên đoàn hoạt động quá công khai, trên túi áo các đoàn viên đều thêu 4 chữ tắt LDHS, lộ bí mật nên thực dân Pháp phát hiện được, truy lùng ráo riết. Đồng chí Quách Sanh bị địch bắt trong đợt này. Các đoàn viên còn lại phải chuyển vào hoạt động bí mật. Một số đồng chí trưởng thành, được kết nạp vào Đảng vào cuối năm 1935, trong đó có đồng chí Phạm Văn Thuận.

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH SÔI NỔI THỜI KỲ MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 4-1936, Mặt trận Nhân dân Pháp có Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt đã giành được thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử và lên nắm chính quyền tại Pháp. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban hành một số

chính sách có tính chất tiến bộ, mở rộng dân chủ ở Đông Dương và Việt Nam.

Mùa hè năm 1936, Hội nghị Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương tập hợp mọi lực lượng dân chủ tiến bộ đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa Pháp, giành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, chống phát xít xâm lược, bảo vệ hoà bình thế giới.

Ngày 13-8-1936, Ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội được thành lập tại Sài Gòn và chỉ đạo thành lập các Ủy ban hành động ở các tỉnh, thành phố chuẩn bị cho quốc dân đại hội. Chỉ trong vài tháng, toàn Nam bộ đã xây dựng được 600 Ủy ban hành động.

Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xược), người quê Tân Uyên, sinh sống tại Bình Ý, lúc đó đang hoạt động ở Sài Gòn trong nhóm báo La Lutte (Tranh đấu). Được phổ biến chỉ thị thành lập ủy ban trụ bị Đông Dương Đại hội, đồng chí Nghĩa về Bình Ý cùng các đồng chí Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Huỳnh Văn Lũy... thành lập Ủy ban hành động tỉnh Biên Hoà. Trụ sở đặt tại khách sạn Thanh Phong (ngay chợ Biên Hoà). Xã Bình Ý thuộc tổng Phước Vĩnh Trung, quận Châu Thành có thể xem là trung tâm hoạt động của Ủy ban hành động tỉnh. Mục đích hoạt động của Ủy ban là tập hợp dân nguyện, chuẩn bị cho Đông Dương đại hội theo chỉ đạo của Trung ương. Tạo cơ sở dư luận cho việc thành lập các ủy ban hành động ở các xã, hai đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa và Phạm Văn Khoai đã cho in và phát hành hàng ngàn truyền đơn mang nội dung:

- Tuyên truyền thắng lợi của Mặt trận Nhân dân ở Pháp và việc tổ chức Đông Dương Đại hội.

- Phổ biến mục đích của Đông Dương Đại hội là tập hợp lực lượng nhân dân đấu tranh đòi tự do dân chủ, tự do ngôn luận, tự do báo chí, chống sưu cao thuế nặng đòi tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân.

- Kêu gọi thành lập Ủy ban hành động ở cơ sở, lấy kiến nghị của nhân dân gửi lên đại hội.

Truyền đơn được phát đi khắp nơi trong tỉnh Biên Hoà, tạo nên một không khí sôi nổi trong nhân dân, nhất là trong hai tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ.

Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, người đảng viên Cộng sản Việt Nam của tỉnh Biên Hoà, lần đầu tiên công khai tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản trong

toàn tỉnh Biên Hoà. Đồng chí là người đứng ra hô hào, tán thành cuộc vận động đòi tự do, dân chủ cho các tầng lớp nhân dân ở quận Châu Thành và Tân Uyên có điều kiện để nói lên nguyện vọng của mình, đòi cải cách dân chủ một cách công khai.

Trong một thời gian ngắn, nhiều Ủy ban hành động ở quận Châu Thành đã được thành lập như Bình Ý, Bình Phước, Tân Phú, Bình Thạnh, Bình Hoà, Tân Triều, Tân Phong, Thiện Tân (thuộc quận Tân Uyên) Ủy ban hành động tỉnh Biên Hoà xây dựng một thư viện lấy tên thư viện Bình Dân đặt tại dốc Bà Bành, xã Bình Ý. Đây vừa là trụ sở (Ủy ban hành động quận, vừa là nơi tuyên truyền và phát hành báo chí tiến bộ, cách mạng như La Lutte, Dân chúng. Hàng đêm, nhân dân đông nhất là thanh niên nô nức rủ nhau đến đây đọc báo, nghe đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đọc và dịch báo in bằng tiếng Pháp, nghe tuyên truyền về chủ nghĩa Cộng sản, kêu gọi nhân dân đoàn kết chống áp bức bóc lột, đòi tự do dân chủ...

Đầu tháng 9-1936, cuộc mít tinh đầu tiên đã được Ủy ban hành động tỉnh tổ chức tại Gò Dê, xã Bình Ý. Hơn 200 người dân thuộc các tầng lớp ở quận Châu Thành và Tân Uyên đã đến tham dự.

Lần đầu tiên nhân dân Châu Thành được nghe đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa, đại diện Ủy ban hành động tỉnh diễn thuyết. Đồng chí đã báo cáo tình hình trong nước, ngoài nước, kêu gọi nhân dân ủng hộ Đông Dương Đại hội, đòi chính quyền thực dân, tay sai phải thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ: dân được tự do làm ăn, tự do hội họp, đi lại, tự do sinh hoạt báo chí, bỏ thuế thân, giảm thuế môn bài, giảm thuế xe ngựa...

Tên cai tổng Đạm hay tin liền dẫn lính lên định đàn áp. Ủy ban hành động tỉnh đã chuẩn bị trước, cho cơ sở tranh thủ vận động bọn lính không gây khó cho dân, đồng thời biến cuộc mít tinh thành cuộc biểu tình đả đảo cai tổng Đạm, đả đảo cường hào, chống sưu cao thuế nặng...

Lần đầu tiên nhân dân quận Châu Thành (tức Vĩnh Cửu ngày nay) đã dám đương đầu với bọn cai tổng, bọn lính mã tà mà trước đây họ luôn sợ sệt. Trước sự phẫn nộ và khí thế sục sôi của nhân dân, cai tổng Đạm phải dẫn lính rút lui. Cuộc mít tinh kết thúc bằng cuộc tuần hành về Bến Cá, Cây Đào, Bình Ý.

Đây là cuộc mít tinh quần chúng đầu tiên của nhân dân quận Châu Thành và tỉnh Biên Hòa đòi tự do dân chủ, chống áp bức. Rõ ràng, khi nhân dân được tập hợp trong tổ chức có lãnh đạo đã phát huy được sức mạnh đàn

áp địch. Kinh nghiệm này được Ủy ban hành động tỉnh triển khai xuống các quận.

Lo sợ trước phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương phát triển rộng trong cả nước, ngày 15-9-1936, thực dân Pháp ra lệnh giải tán các Ủy ban hành động. Đại hội Đông Dương tuy bị ngăn cấm, nhưng phong trào dân chủ ở các quận trong tỉnh không vì thế mà giảm sút, trái lại càng mở rộng và được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng. Phong trào này đòi hỏi phải có sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của Đảng.

Cuối năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang, nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ năm 1933 được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về lãnh đạo phong trào và xây dựng cơ sở Đảng ở Biên Hoà. Đồng chí Trương Văn Bang về ở nhà đồng chí Tư Phan tại Bến Cá, nơi tập trung đông dân và có phong trào tương đối mạnh. Đồng chí thường xuyên, bí mật đi lại các xã, quận để xây dựng cơ sở Đảng và tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản. Nữ đồng chí Lê Thị Trừ, bấy giờ chỉ 10 tuổi, nhưng đã trở thành giao liên đắc lực cho đồng chí Trương Văn Bang, Huỳnh Văn Phan xuống Bình Trước, đi các xã thuộc quận Tân Uyên...

Tháng 2 năm 1937, một cuộc họp gồm các đảng viên hoạt động ở hai quận Châu Thành và Tân Uyên được tổ chức tại nhà đồng chí Năm Ông, xã Tân Triều. Hội nghị nhất trí thành lập Đảng bộ Biên Hoà. Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hoà được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư, các Tỉnh ủy viên gồm các đồng chí: Trần Minh Triết, Huỳnh Văn Phan, Lê Văn Tôn (Năm Tôn), Huỳnh Liễn (Hai Liễn) Nguyễn Hồng Kỳ (Ba Cờ)...

Việc thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hoà là một bước ngoặt quan trọng của phong trào cách mạng trong tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào Mặt trận Dân chủ trong tỉnh càng phát triển mạnh, sôi nổi nhất là ở quận Châu Thành. Nhiều tổ chức quần chúng được Tỉnh ủy thành lập để mở rộng phong trào, xây dựng cơ sở cách mạng:

- Nông hội đỏ do đồng chí Trương Văn Bang trực tiếp xây dựng, tập hợp hơn 300 quần chúng, nòng cốt là những đảng viên Cộng sản như Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận (người xã Bình Ý)... và những người lãnh đạo của Ủy ban hành động xã trước đây. Nông hội đỏ được xây dựng từng tổ, hoạt động theo phương châm bất hợp pháp bí mật.

- Công hội đỏ được tổ chức trong các sở cao su, tập hợp công nhân đấu tranh đòi cải thiện đời sống và những quyền lợi thiết thân khác.

- Về hoạt động công khai có hội Lương hữu ở Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, tập hợp hầu hết số hội viên nông hội đỏ và các tầng lớp lao động đóng thuế thân loại vô sản (4đ5). Hội đã quyên tiền lập được một nhà vàng (một tổ chức chuyên lo mai táng cho người từ trần) để giúp đỡ gia đình các hội viên khi có người thân qua đời. Hội nhà vàng đã góp phần đoàn kết nhân dân trong xóm ấp, tạo tình tương thân, tương trợ giữa những người lao động. Khi khiêng tang qua nhà hương chức làng như hương cả, hương cỏ, hương quản, tất cả hội viên đều đưa năm tay phải lên biểu lộ tinh thần đoàn kết, đôi lập lại bọn địa chủ, hương chức áp bức nhân dân.

Tại xã Thiện Tân, hội Âm công cũng được thành lập, hoạt động cùng mục đích như hội Lương hữu ở Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước v.v...

- Liên đoàn xe ngựa qui tụ trên 100 chủ xe ở các xã Bình Ý, Bình Phước, Lợi Hoà nhằm mục đích bênh vực và giúp đỡ nhau trong sinh hoạt, đời sống, chống sự áp bức bất công của bọn thuế quan. Có Đảng lãnh đạo, các hội quần chúng được tổ chức đơn sơ nhưng phong trào cách mạng tại quận Châu Thành đã phát triển mạnh.

- Từ tháng 3- 1937, bọn phát xít Đức, Ý, Nhật mưu đồ gây chiến tranh đế quốc để chia lại thị trường. Ở Pháp, bọn phản động bước đầu nắm chính quyền, ra tay khủng bố các lực lượng yêu nước và cách mạng. Trung ương Đảng chỉ đạo thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để củng cố thắng lợi giành được trong phong trào Đông Dương Đại hội, đẩy mạnh việc đòi quyền tự do, dân chủ.

Đêm 1-5-1937, tại Gò Máy bay xã Bình Ý, Tỉnh Ủy lâm thời Biên Hoà tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động. Hơn 100 người dân các xã Bình Ý, Bình Phước, Tân Phú đã đến tham dự. Đồng chí Trần Minh Triết thay mặt Tỉnh ủy diễn thuyết, nêu bật tinh thần ý nghĩa lịch sử của ngày lễ, kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân đoàn kết chống áp bức bất công.

Đến tháng 6-1937, cuộc đấu tranh của Liên đoàn xe ngựa đã nổ ra. Cùng một ngày, hơn 100 chủ xe ngựa ngưng chạy trên các tuyến đường, đồng thời làm kiến nghị tập thể lên quận Châu Thành với yêu sách: bỏ lệnh xét xe, giảm thuế môn bài xe, được chở 6 hành khách (trước đây, mỗi xe chỉ được chở tối đa là 4 người). Cuộc đấu tranh của Liên đoàn xe ngựa đã giành được thắng lợi, các yêu sách đều được chính quyền thực dân giải quyết.

Trước tình hình phát triển ngày càng rộng, Tỉnh ủy lâm thời đã cử nhiều cán bộ Đảng xuống các xã thông qua những cuộc mít tinh, hội họp,

đấu tranh tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản, phân loại đối tượng để phát triển Đảng.

Đến giữa năm 1937, nhiều chi bộ Đảng ở Châu Thành được xây dựng:

- Chi bộ Bình Ý: Gồm các đồng chí Phạm Văn Lạc, Phạm Văn Khoai, Huỳnh Văn Kiềm, Nguyễn Thị Hậu, Phạm Xuân Lép, Phạm Văn Bường.

- Chi bộ Bình Phước: Gồm các đồng chí Quách Tỷ, Quách Sanh, Chín Văn...

- Chi bộ Tân Triều: Gồm các đồng chí Phạm Văn Thuận, Trần Minh Triết, Tư Phan, Năm Ông.

- Chi bộ Thiện Tân: Gồm các đồng chí Đoàn Văn Bi, Nguyễn Văn Phương, Võ Văn Qua, Võ Văn Ngang.

- Chi bộ Bình Hoà: Gồm các đồng chí Tám Niên, Hai Đắc.

Được Đảng lãnh đạo, phong trào đấu tranh dân sinh, dân chủ ở quận Châu Thành tiếp tục phát triển bằng nhiều hình thức phong phú. Các chi bộ đã lãnh đạo và vận động nhân dân hai tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ tham gia nhiều hoạt động chính trị ở Sài Gòn.

Sáng ngày 28-11-1937, nhân dân các xã Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều đại diện quận Châu Thành về dự cuộc mít tinh ở rạp hát Thành Xương (Sài Gòn, nay là rạp hát Công Nhân) do Xứ ủy Nam kỳ tổ chức. Cuộc mít tinh này biểu dương được sức mạnh của nhân dân, nói lên tiếng nói đòi thực dân thi hành các quyền tự do dân chủ.

Phong trào Mặt trận Dân chủ ở quận Châu Thành là bước đầu tập dượt quan trọng cho nhân dân sau này trong Cách mạng tháng Tám. Về lãnh đạo, phong trào còn có hạn chế: việc xây dựng phát triển Đảng và cơ sở bí mật bên trong chưa được đẩy mạnh, hoạt động chưa đúng phương châm như hội viên nông hội (bí mật) là quần chúng hoạt động công khai ở các Ủy ban hành động. Do đó, bọn tề tổng ở địa phương biết rõ, gây cho phong trào nhiều thiệt hại khi địch khủng bố đàn áp.

Ngày 1-9-1939, phát xít Đức đánh chiếm Ba Lan, mở đầu cho cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Tại Việt Nam, thực dân Pháp tăng cường khủng bố phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, đồng thời chúng tăng cường bắt lính đưa sang chiến trường Châu Âu để chết thay cho thanh niên “mẫu quốc” Pháp.

Bọn tề, tổng tay sai Pháp lập danh sách tất cả những người có tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương và cho bọn lính mã tà xuống các xã truy lùng bắt bớ cán bộ, nhân dân. Các đồng chí lãnh đạo đấu tranh công khai như Phạm Văn Thuận phải lánh xuống Long Thành, Phạm Văn Khoai xuống Cà Mau, một số đồng chí về Sài Gòn để tiếp tục hoạt động, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa bị bắt đày đi Bà Rá.

Là trung tâm của phong trào đấu tranh, xã Bình Ý được địch gọi là “xã Cộng sản”. Thực dân Pháp tập trung lực lượng để khủng bố phong trào ở đây. Hàng trăm lính mã tà tinh, quận lùng sục vào xã, áp bắt những người có tham gia phong trào. Ai lưu trữ báo Dân Chúng (tiếng Việt) Là Peuple (Dân Chúng-tiếng Pháp) lập tức bị bắt đi tù vì tội “hoạt động chính trị”.

Hơn hai trăm dân xã Bình Ý, trong đó có những người lãnh đạo các Ủy ban hành động bị bắt giam ở Biên Hoà, phong trào tại các xã Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều v.v... lắng xuống.

Tại quận Châu Thành, thực dân Pháp kết hợp vừa khủng bố phong trào vừa lừa mị nhân dân. Chúng xây dựng một bót mã tà ở ngã ba Bình Ý để thường xuyên theo dõi khủng bố những người chúng tình nghi hoạt động Cộng sản. Hồ Tấn Khoa từ Tây Ninh được thực dân Pháp cất nhắc đưa về làm quận trưởng Châu Thành. Bên cạnh đó, tại tổng Phước Vĩnh Trung, chúng cho Huỳnh Văn Liễu, nguyên đốc học trường Bình Hoà về làm chánh tổng. Thực dân định dùng tiếng "nhà giáo" của tổng Liễu để lừa mị nhân dân, nhất là thanh niên học sinh.

Tại đình Bình Ý, Hồ Tấn Khoa và tổng Liễu đã tổ chức một buổi cầu an. Chúng ép buộc nhiều người tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đến dự, chụp ảnh và tung tin đây là: "Lễ Cộng sản đầu hàng" nhằm hạ uy thế của Đảng, đánh lừa nhân dân. Nhưng thủ đoạn của địch không thể qua mặt được nhân dân. Phong trào bị đàn áp nhưng nhiều hội viên Nông hội đỏ không bị địch phát hiện đã chuyển sang hoạt động trong các hội quần chúng như hội cấy, gặt ở Bình Ý, hội Lương hữu (Bình Ý), hội Âm công (Thiện Tân)...

Ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng, bảy giờ đóng ở Sài Gòn, đã ra thông báo cho các Đảng bộ trong nước: "... Mấy năm gần đây, Đảng ta còn ở thời kỳ đấu tranh thế thủ, ủng hộ các quyền tự do dân chủ đơn sơ của quần chúng và đòi các quyền tự do dân chủ rộng rãi. Nhưng hiện nay, tình hình đã thay đổi nhiều. Hoàn cảnh Đông Dương hiện nay sẽ tiến bước đến vấn đề giải

phóng dân tộc, hoàn thành vấn đề ấy mau hay chậm là tùy theo tình hình thế giới và năng lực của các đồng chí".

Từ ngày 6 đến 8-11-1939, tại xã Tân Thới Nhất (Bà điếm, Gia Định), Trung ương Đảng mở hội nghị lần thứ VI do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Hội nghị đã nhận định tình hình thế giới, tình hình trong nước: Trong điều kiện chiến tranh thế giới đã nổ ra và bọn thống trị thực hiện chế độ phát-xít vô cùng tàn bạo, bọn phát xít Nhật lăm le nhảy vào Đông Dương xâm chiếm, thì bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng dân tộc". Hội nghị nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc tất cả mọi vấn đề của cách mạng cả vấn đề điền địa, cũng phải nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết". Hội nghị nhắc nhở: "song phải hết sức tránh những cuộc đấu tranh non, tranh đấu vô phương pháp, vô chuẩn bị, ví như thế tức là đưa quần chúng đến chỗ tự sát uổng mạng".

Thực hiện Nghị quyết VI Trung ương, từ tháng 3-1940, Xứ ủy Nam Kỳ đã hình thành Đề cương khởi nghĩa ở Nam kỳ. Nhưng từ tháng 1 đến tháng 4, nhiều đồng chí Trung ương Đảng đã bị bắt như Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Võ Văn Tần... Xứ ủy Nam Kỳ mới do đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư đã có hai cuộc họp ở Tân Hương (tháng 7-1940) và Tân Xuân (tháng 9-1940) để bàn về khởi nghĩa ở Nam kỳ. Do có nhiều ý kiến, nên Xứ ủy cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra Bắc họp hội nghị Trung ương và xin ý kiến của Trung ương về việc khởi nghĩa. Một mặt, Xứ ủy chỉ đạo các Đảng bộ tỉnh tích cực chuẩn bị vũ trang và tuyên truyền cho việc khởi nghĩa.

Tháng 7-1940, các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời Biên Hoà như Lê Văn Tôn, Tư Phan, Huỳnh Văn Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Minh Triết v.v... rút vào hoạt động bí mật ở rừng Tân Uyên. Tại đây, thực hiện chỉ đạo của Xứ ủy, Tỉnh ủy Biên Hoà quyết định thành lập đội vũ trang để chuẩn bị cho việc khởi nghĩa. Một đội vũ trang khoảng 35 người được thành lập do đồng chí Huỳnh Liễn, Tỉnh ủy viên phụ trách và đồng chí Trần Văn Quý chỉ huy trực tiếp để chờ thời cơ...

Tuy nhiên, do kế hoạch khởi nghĩa ở Nam Kỳ đã bị lộ từ bên trên, những ngày cuối tháng 11-1940, thực dân Pháp ở Biên Hòa, Tân Uyên đã ra lệnh giới nghiêm, tăng cường lực lượng, đời kho đạn Bình Ý về Thành Tuy Hạ, tăng cường lực soát trong các làng.

Từ sáng 20-11-1940, thực dân Pháp ở Biên Hoà bắt đầu mở những cuộc càn quét vào các khu vực chúng tình nghi có lực lượng khởi nghĩa như Tân Hoà, Tân Tịch, Thường Lang... Đêm 23-11-1940, thanh niên, nông dân các làng Mỹ Lộc, Mỹ Quới, Tân Hoà, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An nổi trống, mõ tre, thổi tù và để uy hiếp tinh thần bọn tề xã, tề tổng. Tuy nhiên, cuộc nổi dậy chỉ diễn ra ngay trên địa bàn các xã, không kéo về được thị trấn Uyên Hưng. Sáng 24-11-1940, thực dân Pháp cho lực lượng bao vây các làng Mỹ Lộc, Tân Hoà, Tân Trạch, Tân Tịch (quận Tân Uyên). Chúng đốt nhà (trong đó có nhà các đồng chí Lê Văn Tôn, Nguyễn Hồng Kỳ, Huỳnh Liễn...), đốt các bờ lúa của dân, bắt nhiều người tình nghi, trong đó có đồng chí Phiên trong chi bộ Mỹ Lộc. Tại Bình Ý, giặc bắt đi 7 người. Đội du kích nổ súng chống trả, các đồng chí Lê Văn Tôn, Nguyễn Hồng Kỳ, Trần Văn Quý, Út Chiếp, Huỳnh Liễn rút vào rừng. Tại Suối Cá, các đồng chí họp và thống nhất phân công đồng chí Lê Văn Tôn và Nguyễn Hồng Kỳ cải trang theo đường bộ về Sài Gòn để liên lạc với Ban khởi nghĩa của Xứ. Nhưng đến xã Bình Mỹ thì đồng chí Hồng Kỳ bị bắt. Đồng chí Lê Văn Tôn về Sài Gòn, chưa kịp bắt liên lạc với Xứ ủy thì một thời gian sau cũng bị bắt và đày đi Côn Đảo.

Các đồng chí còn lại là Huỳnh Liễn, Út Chiếp, Chín Quý và khoảng một tiểu đội vũ trang bám vào rừng suối Hố Thảo, ruộng Giáp Lạc thuộc xã Lạc An. Đêm 25-11-1940, một bộ phận đội du kích Tân Uyên định vượt sông qua bờ hữu đoạn bến Bình Ninh, xã Bình Long (tổng Phước Vĩnh Hạ), nhưng thực dân Pháp đã phong toả bờ sông nên không đi được phải rút lại vào rừng. Địch tiếp tục lùng sục vào khu vực làng Mỹ Lộc và bắt 3 người là Lê Văn Sang, Nguyễn Văn Đàng, Phan Văn Mân. Đêm 26-11-1940, thực dân Pháp tiếp tục cuộc truy lùng ở khu vực bờ hữu sông Đồng Nai và bắt các đảng viên Quách Tý, Trần Văn Long, Nguyễn Văn Mùi, Huỳnh Xuân Lâm...

Tháng 7- 1941, giặc Pháp tiếp tục càn quét vào rừng Giáp Lạc. Đồng chí Huỳnh Liễn bị thương và bị bắt. Địch băng bó và đưa ra Lạc An, đồng chí dùng cảm bút ruột hy sinh anh dũng, không cho địch có cơ hội khai thác. Đồng chí Út Chiếp bị bắt và đày đi Côn Đảo. Đồng chí Trần Văn Quý đưa tiểu đội vũ trang rút vào rừng sâu khu vực Tân Tịch.

Nhân cơ hội nước Pháp bị phát xít Đức xâm chiếm, phát xít Nhật đã nhảy vào xâm lược Đông Dương. Giữa năm 1941, phát xít Nhật vào Biên Hoà. Nhật đóng đồn ở Bà Bành (Bình Ý), Tân Huệ (Tân Phú), Cây Đào

(Bình Thạnh), đâu đâu cũng thấy bọn sĩ quan, binh lính Nhật đeo grom dài ngang hông điệu võ dương oai.

Phong trào cách mạng ở quận Châu Thành gặp khó khăn lớn, nhưng ảnh hưởng của những ngày đấu tranh sôi nổi, công khai thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương, tiếng súng Nam Kỳ vẫn âm ỉ trong lòng nhân dân và sẽ bùng nổ khi có thời cơ.

III. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG

Đầu năm 1943 nhiều đảng viên do thực dân Pháp khủng bố trước đây phải lánh đi nơi khác, nay trở lại Biên Hoà để hoạt động và gây dựng cơ sở. Đồng chí Hoàng Minh Châu, nguyên bí thư chi bộ Bình Phước - Tân Triều lại được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về Biên Hoà hoạt động. Đồng chí vào làm việc ở sở Trường Tiền, Biên Hoà (sau năm 1975 là nhà máy đại tu ô tô thuộc sở Giao thông vận tải Đồng Nai, nay thuộc khu phố mới của thành phố Biên Hoà trên đường Phan Chu Trinh) và xây dựng chi bộ Đảng tại đây. Từ sở cao su Suối Tre, đồng chí Hồ Văn Đại cũng trở về Biên Hoà hoạt động, nối lại liên lạc với đồng chí cũ thời kỳ 1936 - 1939 như các đồng chí Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Huỳnh Văn Lũy...

Tại xã Thiện Tân, Tân Định... phát xít Nhật cưỡng ép nông dân phải nhổ lúa trồng đay, chúng vợ vét tịch thu thóc của nhân dân để chạy máy xe lửa phục vụ cho bộ máy xâm lược. Đời sống nhân dân đã khó khăn càng thêm chật vật. Nhiều người dân không có vải phải dùng bao bố đựng gạo may áo quần; diêm, dầu hoả đều không có. Phát xít Nhật còn đưa ra nhiều luận thuyết như "Đại Đông Á", "Đồng văn đồng chủng", tuyên truyền người Nhật cũng máu đỏ da vàng, sang Việt Nam để giúp người Việt giành độc lập... hòng lừa bịp nhân dân ta.

Từ cuối năm 1943 và đầu năm 1944, đồng chí Phạm Văn Thuận móc nối được những đảng viên cũ trước đây tham gia các Ủy ban hành động, tổ chức từng nhóm thanh niên ở Bình Hoà, Bình Phước bí mật tuyên truyền chống lại luận điệu lừa mị dân của phát xít Nhật. Nhưng hoạt động này phổ biến không rộng nên ảnh hưởng không sâu trong nhân dân.

Đêm 8 rạng 9-3-1945, từ trong sân bay Tân Phong vang lên từng loạt súng nổ. Phát xít Nhật làm đảo chính thực dân Pháp ở Biên Hoà, bọn lính Pháp hốt hoảng chạy tán loạn.

Tại sở cao su, sở quít Trần Quang Nghiêm, một nhóm thanh niên yêu nước như Phan Đình Công, Nguyễn Ưu... dũng cảm chặn đường giết súng trên tay lính Pháp. Trên sông Đồng Nai, một tàu Pháp chở bọn lính chạy trốn đến đoạn Đại An, chúng nhận chìm tàu (sau này, vệ quốc đoàn Biên Hoà đã lặn và lấy được một số súng).

Tháng 5-1945, được sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam kỳ, tổ chức Thanh niên Tiền Phong được thành lập tại Sài Gòn. Tổ chức do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đảng viên Đảng Cộng sản làm thủ lĩnh. Tại Biên Hoà, tổ chức Thanh niên Tiền phong do thầy giáo Huỳnh Thiện Nghệ làm thủ lĩnh.

Phong trào Thanh niên Tiền phong nhanh chóng lan rộng trong quận Châu Thành. Hầu hết các xã đều tổ chức Thanh niên Tiền phong, tập hợp hầu hết thanh niên học sinh, nông dân, kể cả người lớn tuổi, không kể đàn ông, phụ nữ cũng hăng hái tham gia. Các đội viên trang bị gậy tầm vông, cuộn dây thừng hăng hái tập luyện, canh gác bảo vệ làng, xã. Đâu đâu cũng vang lên bước chân rầm rập của đội viên Thanh niên Tiền phong, với những bài ca lên đường, tiếng gọi thanh niên...

Ngày 2-5-1945, trên chiến trường Châu Âu, phát xít Đức đầu hàng Đồng Minh. Bọn lính Nhật tuy còn đóng quân ở Bình Ý, Tân Phú và dọc lộ 24, nhưng tinh thần bắt đầu hoang mang, phản ứng yếu ớt, lầy lệ trước phong trào Thanh niên Tiền phong ngày càng lớn mạnh.

Cũng từ tháng 5-1945, được Xứ ủy chỉ đạo, các đảng viên ở Châu Thành đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền thắng lợi của hồng quân Liên Xô, phát triển tiếp tục cơ sở quần chúng chuẩn bị đón thời cơ.

Từ ngày 15-8-1945, được tin phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh, các đảng viên ở Châu Thành, nòng cốt là Chi bộ Trường Tiền đã triệu tập nhiều cuộc họp tại căn nhà số 2 dãy phố Sáu Sứ (Quốc lộ I, Biên Hoà) để chuẩn bị việc cướp chính quyền. Cuộc họp có các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn, Ngô Hà Thành, Hồ Văn Giàu, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Ký, Phạm Văn Thuận... thành lập Ủy ban khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân. Ủy ban khởi nghĩa gồm các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn, Ngô Hà Thành...

Trong hội nghị, các đồng chí nhất trí với nhận định của Trung ương và Xứ ủy về thời cơ cách mạng, quyết định một số vấn đề quan trọng: Nắm và sử dụng Thanh niên Tiền phong làm nòng cốt để cướp chính quyền khi thời cơ đến; cử ra Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Chủ

tịch. Đồng chí Hồ Văn Giàu được cử làm liên lạc với Xứ ủy ở Sài Gòn để xin ý kiến chỉ đạo. Đồng chí Phạm Văn Thuận có nhiệm vụ về các xã Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Bình Thạnh, Tân Phú, Thiện Tân... huy động Thanh niên Tiền phong và quần chúng nhân dân, chuẩn bị lực lượng cướp chính quyền ở địa phương.

Việc vận động tập hợp lực lượng ở Châu Thành, nhất là hai tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ có nhiều thuận lợi, vì đây là trung tâm cách mạng ở Châu Thành thời kỳ 1936-1939, nhân dân có truyền thống đấu tranh, phong trào phát triển khá mạnh ở các xã Bình Ý, Tân Phú, Thanh niên Tiền phong chặn đánh bọn Nhật đi lẻ tẻ trong xóm ấp, giạt súng trang bị cho mình.

Những ngày cuối tháng 8-1945, tin khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội, Huế dồn dập bay về, nhân dân quận Châu Thành vô cùng phấn khởi, náo nức, bọn tề, tổng hầu hết bỏ việc, bộ máy chính quyền tay sai ở các xã không còn hiệu lực.

Từ chiều ngày 24-8-1945, hàng trăm thanh niên nam nữ và nhân dân các xã Bình Hoà, Bình Phước, Bình Ý, Tân Triều, Tân Phú, Lợi Hoà, Bình Thạnh, Thiện Tân... mang phù hiệu búa liềm trên ngực, tay cầm băng rôn, khẩu hiệu "Chánh quyền về tay nhân dân" tập trung về ngã ba Bình Ý, xe ngựa, xe đò được huy động đưa lực lượng về thị xã Châu Thành.

Theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, tối ngày 24-8, lực lượng quần chúng Châu Thành lên xe lửa về Sài Gòn tham gia cướp chính quyền.

Sáng ngày 25-8-1945, các trụ sở tề ở hai tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ đã tung bay cờ cách mạng. Chính quyền đã thuộc về nhân dân.

Sáng sớm ngày 27, hàng trăm người dân hai tổng với đoàn phụ nữ cầm khẩu hiệu đi đầu, tầm vông vạt nhọn tiến về công trường Sông Phố, Biên Hoà dự lễ ra mắt chính quyền cách mạng tỉnh.

Cách mạng tháng Tám 1945 với nhân dân quận Châu Thành nói chung, nhân dân hai tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ nói riêng (huyện Vĩnh Cửu ngày nay) là một cuộc đổi đời. Từ dân tộc nô lệ, nhân dân Vĩnh Cửu trở thành người dân tự do của một quốc gia độc lập.

Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh gọn, không đổ máu. Đó là thành quả đấu tranh kiên cường, kiên trì của nhân dân từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo, thể hiện truyền thống yêu nước của nhân dân. Cách mạng tháng

Tám 1945 là ngọn cờ hiệu triệu nhân dân Vĩnh Cửu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

PHẦN II

THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

Chương II

NHỮNG NĂM ĐẦU CUỘC KHÁNG CHIẾN (1945 - 1948)

Cách mạng tháng Tám vừa thành công, chính quyền dân chủ nhân dân vừa thành lập, nhân dân Việt Nam phải đối phó với nhiều kẻ thù nguy hiểm. Cuối tháng 8-1945, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch vào miền Bắc, ngày 12-9 một lữ đoàn hoàng gia Anh vào miền Nam. Cả hai lực lượng này với danh nghĩa giải giáp quân Nhật. Nhân cơ hội phát xít Nhật đầu hàng, thực dân Pháp chuẩn bị ngay kế hoạch xâm chiếm lại Việt Nam. Chúng cho một đại đội (thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5) núp dưới bóng quân Anh đổ bộ lên cảng Sài Gòn.

Sáng 2-9-1945, khi nhân dân ta đang dự lễ tuyên bố độc lập ở Sài Gòn, thực dân Pháp đã nổ súng khiêu khích, làm nhiều người chết và bị thương.

Ngày 23-9-1945, quân Pháp được quân Anh và bọn Nhật đã đầu hàng yểm trợ nổ súng tấn công ta ở Sài Gòn. Sáng 23-9, Xứ ủy Nam bộ họp khẩn cấp tại phố Cây Mai (Chợ Lớn). Theo tinh thần bản Tuyên ngôn độc lập do Hồ Chủ tịch đọc tại Quảng Trường Ba Đình ngày 2-9: *“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập”*, Xứ ủy Nam bộ phát động nhân dân kiên quyết cầm vũ khí chống giặc Pháp xâm lược.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam bộ bùng nổ. Ủy ban kháng chiến Nam bộ đã ra lời kêu gọi: *“Tất cả đồng bào, già, trẻ, trai, gái hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược”*.

Từ Hà Nội, ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào Nam bộ khẳng định quyết tâm kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và nhân dân cả nước: *“Hỡi đồng bào Nam bộ!*

“Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì đã gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật, thì bọn thực dân Pháp đã đầu hàng hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật, hoặc công khai lại mò lại. Trong bốn năm họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta một lần nữa”.

“Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại Cách mạng Pháp: “thà chết tự do hơn sống nô lệ”.

“Tôi chắc và đồng bào Nam bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà...”. Người khẳng định: “Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính đáng...”

Nhân dân tỉnh Biên Hoà, nhân dân quận Châu Thành (từ năm 1948 là huyện Vĩnh Cửu) sục sôi căm thù thực dân Pháp cướp nước và hết sức theo dõi cuộc chiến đấu dũng cảm của quân và dân Sài Gòn, Gia Định. Không sớm thì muộn giặc Pháp sẽ mở rộng lấn chiếm ra Biên Hoà, nên chuẩn bị kháng chiến là việc làm cấp bách.

Tối ngày 26-9-1945, đồng chí Hà Huy Giáp và đồng chí Dương Bạch Mai triệu tập cuộc họp cán bộ toàn tỉnh Biên Hoà ở nhà hội xã Bình Phước, quận Châu Thành (nay là Nhà bảo tàng thành phố Biên Hòa) Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời gồm 11 đồng chí được bầu ra, do đồng chí Trần Công Khanh làm Bí thư để lãnh đạo cuộc kháng chiến. Sau hội nghị, Tỉnh ủy chỉ định thành lập Quận ủy Châu Thành đứng ra chuẩn bị lực lượng kháng chiến khi giặc Pháp đến.

Quận ủy Châu Thành đầu tiên gồm các đồng chí Hồ Văn Leo, Bí thư; Mai Bửu Mạnh, Hồ Văn Đại, Phó Bí thư. Ủy ban nhân dân lâm thời quận Châu Thành do đồng chí Nguyễn Văn Long làm chủ tịch. Ủy viên công an là đồng chí Phạm Văn Thuận, Ủy viên quân sự là đồng chí Doãn Tiến Nghiệp. Trụ sở Quận ủy, Ủy ban nhân dân đóng tại sở Trường Tiền, Biên Hòa (sau 1975 là nhà máy đại tu ô tô, sở Giao thông vận tải Đồng Nai).

Quận ủy Châu Thành nhất trí với nhận định của Xứ ủy, âm mưu của thực dân Pháp là thôn tính nước ta. Công tác cấp bách trước mắt là ổn định

đời sống nhân dân và chuẩn bị lực lượng kháng chiến. Trên cơ sở này, Quận ủy đã đề ra và thực hiện những chủ trương thiết thực:

- Xây dựng các Ủy ban nhân dân lâm thời các xã. Trong tháng 10-1945, Ủy ban các xã đều hình thành và đi vào hoạt động.

- Thành lập Mặt trận Việt Minh ở xã để tập hợp nhân dân xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Đội tổ chức Thanh niên Tiên phong thành Đoàn Thanh niên Cứu quốc thống nhất với tổ chức thanh niên trong nước (hoàn thành trong tháng 9- 1945).

Để ổn định đời sống nhân dân, Ủy ban nhân dân lâm thời quận đề ra ba chủ trương lớn:

- Kiểm kê toàn bộ tài sản của ngụy quyền trong quận.
- Quốc hữu hóa toàn bộ các sở cao su, ruộng đất của bọn thực dân, địa chủ, tạm thời cấp ruộng đất cho nông dân nghèo.
- Bãi bỏ thuế thân của thực dân phong kiến.

Ba chủ trương này tạo không khí phấn khởi trong nhân dân vì đáp ứng mơ ước bao đời của người dân.

Quận ủy thành lập ngay lực lượng vũ trang quận lấy tên là Vệ quốc đoàn, do đồng chí Doãn Tiên Nghiệp chỉ huy. Không đầy 1 tháng, thanh niên lớp lớp tòng quân, Vệ quốc đoàn Châu Thành đã tập hợp được 5 tiểu đội khoảng 60 người. Vũ khí của đội gồm có 30 khẩu súng tịch thu được của bọn lính mã tà (garde civil local) và mua của bọn lính Nhật trong sân bay. Vệ quốc đoàn Châu Thành đóng quân ở Ba Dốc (Thiện Tân), một bộ phận được đưa qua Thường Lang để tập luyện quân sự. Các đội tự vệ chiến đấu xã cũng được thành lập để bảo vệ xóm làng.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân lâm thời quận Châu Thành và Ủy ban nhân dân các xã đã cử nhiều thanh niên ở Bình Phước, Bình Ý, Tân Phong... tham dự lớp huấn luyện ở trại du kích Bình Đa - Vĩnh Cửu (Tam Hiệp) do đồng chí Phan Đình Công phụ trách. Mỗi khóa học nửa tháng. Trường đang mở khóa thứ hai thì quân Nhật vào khiêu khích phải dời về ấp Bình Đa, An Hảo rồi về Sở Tiêu (Tân Uyên). Hầu hết trại viên sau này đều trở thành cán bộ quân đội nòng cốt cho lực lượng vũ trang ở Biên Hoà, Bà Rịa trong suốt 9 năm kháng chiến.

Trong lúc mặt trận Sài Gòn đang diễn ra quyết liệt, Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận Châu Thành đã phát động tuần lễ vàng, tuần lễ bạc trong toàn

quận. Vì độc lập tự do và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ nó, nhân dân Châu Thành đã tích cực hưởng ứng phong trào, nhiều gia đình ở Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Tân Phong... có bà má, người chị ủng hộ cả bộ lư đồng, những sợi dây chuyền, khuyên tai cho chính phủ để mua sắm vũ khí chống giặc.

Phong trào "diệt giặc đói", bình dân học vụ được nhân dân tham gia sôi nổi. Đêm đêm, trong xã ấp, bà con tay cầm đuốc sáng rủ nhau đến lớp học chữ quốc ngữ. Ai cũng mong đóng góp nhiều cho cách mạng. Phong trào lập hũ gạo nuôi quân, quỹ cứu quốc do Ủy ban nhân dân quận phát động được nhân dân hưởng ứng tích cực. Mỗi bữa ăn, bà con dành một nắm gạo bỏ vào hũ gạo nuôi quân, tạo nên một khối lượng gạo lớn, góp phần giải quyết lương thực cho kháng chiến những ngày đầu.

Giặc Pháp bị quân dân Sài Gòn, Gia Định kìm chân trong thành phố, nhưng vẫn tìm mọi cách đưa quân trinh sát nghiên cứu tình hình, chuẩn bị lần chiếm các tỉnh ven Sài Gòn. Tại Thiện Tân, Pháp cho nhảy dù xuống 1 tiểu đội lính lê dương, chúng chưa kịp hành động gì đã bị nhân dân phát hiện, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành và các đội tự vệ chiến đấu (trong đó có đội tự vệ Quang Trung của xã Tân Phú) đã nhanh phóng bao vây tóm gọn đưa về tỉnh.

Cùng thời gian trên ở Tân Uyên, Vệ quốc đoàn Biên Hòa do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy cũng được thành lập. Phân đội 4 do Nguyễn Chúc Sắc làm Phân đội trưởng đứng chân hoạt động ở Đại An, Tân Định, Thiện Tân, Tân Phú, Bình Long, Lợi Hòa. Phân đội tổ chức nhiều lớp huấn luyện quân sự cho tự vệ chiến đấu các xã ở Cây Đào, Ghềnh Rái, sẵn sàng đối phó với giặc Pháp xâm lược.

Cuối tháng 10-1945, thực dân Pháp được tăng viện quân từ Pháp sang, hỏa lực mạnh hơn ta gấp bội, đã phá vỡ vòng vây của quân ta ở Sài Gòn và bắt đầu lần chiếm các vùng xung quanh. Ủy ban nhân dân quận Châu Thành trước đó đã kịp thời tuyên truyền, kêu gọi nhân dân bắt hợp tác với giặc. Quận ủy cho lập các đội công tác phá hoại kết hợp với các đội tự vệ chiến đấu và nhân dân bám phá lộ 24, lộ 15, lộ I, đập sập, phá, gỡ ván các cây cầu, chặt hạ các cây lớn bên đường để ngăn cản bước tiến của quân giặc. Các cây cầu Rạch Gốc, Ông Hường, Rạch Lăng đều bị phá hư. Những nhà xây gạch trong quận, dọc lộ 24, nhân dân tự động phóng lửa đốt cháy không cho giặc có thể đóng đồn bót.

Ngày 25-10-1945, thực dân Pháp có quân Anh-Ấn hỗ trợ đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hoà. Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận Châu Thành rút về xã Bình

Ý, chỉ đạo kịp thời đưa toàn bộ tài liệu, lương thực từ trong thị xã chuyển về Bình Đa và Tân Triều.

Tháng 11-1945, Quận ủy thành lập Đội xung phong cảm tử tại Đình Bình Thảo (Bình Phước). Đội gồm có 40 thiếu niên dũng cảm, tuổi từ 14 đến 16 được trang bị súng ngắn và lựu đạn. Đội do đồng chí Nguyễn Văn Ký, Hồ Văn Đại chỉ huy. Nhiều lần, đội bố trí từng tổ 3 đến 5 đội viên dùng xe ngựa, xe ô tô, bí mật theo đường ngã ba nhà Dòm, qua dốc Bà Bành xuống ngã ba Dốc Sỏi đột nhập thị xã đánh diệt quân Anh - Ấn, diệt và bắt sống những tên Việt gian tay sai vừa ló mặt như Bảy Thông, Ba Lê. Đội cũng nhiều lần xuất hiện ở ngã ba Vườn Mít dùng lựu đạn, súng lục tiêu diệt địch, trong đó tên quan tư De Rioncourt¹⁰. Hoạt động của đội xung phong cảm tử tạo phần khởi và niềm tin cho nhân dân ở trong thị xã, hạn chế việc bung ra vùng ven của giặc Pháp, tạo điều kiện cho Vệ quốc đoàn Châu Thành và Biên Hoà điều quân xuống chặn địch.

Đầu tháng 11-1945, quân Anh-Ấn mở đường ra vùng ven thị xã Châu Thành, cánh thứ nhất theo lộ 24 lên Bửu Long, cánh thứ hai đi từ ngã ba Dốc Sỏi lên Tân Phong, Bình Ý. Vệ quốc đoàn Châu Thành điều một tiểu đội do đồng chí Lê Văn Ngọc chỉ huy từ Thiện Tân xuống chặn địch lòng sục ở Bến Cá. Tiểu đội chia làm 3 tổ, bố trí dài theo lộ 24 tại Cây Đào. Địch đi nhiều xe có thiết giáp mở đường. Đợi cho chúng đến gần, tiểu đội lập tức ném lựu đạn và nổ súng. Địch nhảy xuống xe và bắn trả quyết liệt. Ta diệt được một số tên? chặn địch tại Cây Đào. Tức tối, quân Anh - Ấn trả thù man rợ, chúng càn vào lòng sục ở Cây Đào, xả súng bắn bừa bãi và đốt nhà dân.

Cánh thứ hai của địch bị phân đội 4 do đồng chí Nguyễn Chức Sắc chỉ huy đánh từ dốc Bà Bành đến ngã ba Bình Ý, diệt một số tên. Địch bị chặn lại, không tiến thêm được phải rút lui, những lần sau, địch đi có xe cơ giới có lưới thép xung quanh để chống. Phân đội 4 đã có sáng kiến dùng sắt làm móc câu quanh lựu đạn, khi ném ra lựu đạn sẽ treo vào lưới thép, nổ diệt địch bên trong xe.

Đây là những trận đánh đầu tiên của quân dân quận Châu Thành chống quân Anh - Ấn mở đường. Tiếng súng đầu tiên ở Châu Thành là lời khẳng định quyết tâm kháng chiến của quân và dân ta, có ý nghĩa động viên tinh thần kháng chiến trong toàn tỉnh.

¹⁰ 55 năm thành phố Biên Hòa. Ban Tuyên giáo Thành ủy Biên Hòa, xuất bản 1988, trang 53

Cuối tháng 11, trước những khó khăn do bọn tay sai Tưởng Giới Thạch và phản động gây ra, đồng thời thể hiện chính sách hoà hợp của Đảng, Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán", thực chất là Đảng rút vào bí mật để lãnh đạo cuộc kháng chiến. Tháng 12-1945, Tỉnh uỷ lâm thời Biên Hoà do không nắm được sách lược của Đảng, đã giải thể. Quận uỷ Châu Thành do đó cũng tự giải thể. Các đồng chí Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Ký, Phạm Văn Thuận tiếp tục bám ở Bình Ý, Bình Hoà, Bình Phước, Bình Đa xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố các đoàn thể, Quốc gia tự vệ cuộc, tiếp tục kháng chiến.

Trong hai tháng 11 và 12-1945, Vệ quốc đoàn Châu Thành và phân đội 4 (Vệ quốc đoàn Biên Hoà) liên tục bẻ gãy nhiều đợt tiến công thăm dò của quân Anh - Ấn ra vùng ven, đánh bọn Nhật đang trông chờ về nước ở núi Bình Thạnh, thu nhiều lương thực.

Trong lúc địch chưa bung ra lần chiếm, Ủy ban Mặt trận Việt Minh quận và các xã khẩn trương củng cố đoàn thể ở cơ sở. Nhân dân các xã Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước, Thiện Tân, Bình Long, Tân Phú, Bình Thạnh, Tân Định, Đại An, Tân Phong... biểu lộ lòng yêu nước nồng nàn và tin tưởng vào kháng chiến bằng nhiều hình thức phong phú như: nuôi dưỡng, tiếp tế cho bộ đội, tiếp tế cho Việt Minh, động viên con em vào du kích, bộ đội, tham gia phá cầu đường, làm liên lạc... Bất cứ việc gì Việt Minh cần đến, nhân dân không nề hà, để việc nhà lại, đến ngay nơi tập hợp nhận công tác. Sự giúp đỡ của nhân dân đã tạo điều kiện cho Việt Minh, bộ đội vượt qua mọi khó khăn trong những ngày đầu kháng chiến.

Để củng cố lòng tin của nhân dân, đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp "đã thanh toán xong lực lượng kháng chiến", Bộ tư lệnh Khu 7 quyết định tổ chức một trận tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hoà. Trận đánh do đồng chí Nguyễn Bình, Tư lệnh khu 7 chỉ huy.

Tỉnh lỵ Biên Hoà lúc này được thực dân Pháp xây dựng tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá cách mạng ở miền Đông Nam bộ. Nhận nhiệm vụ, phân đội 4, phân đội 5 cùng tổ quân báo do Bùi Trọng Nghĩa chỉ huy đã nhiều lần đột nhập nội ô nghiên cứu các mục tiêu của địch, lên phương án tác chiến. Lực lượng tham gia trận đánh gồm Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, Vệ quốc đoàn Biên Hoà, Liên chi 2-3 Bình Xuyên, Giải phóng quân liên quận Hóc Môn-Bà Điểm-Đức Hoà vào cuối tháng 12-1945 đã tập kết về các vị trí áp sát thị xã ở các hướng Tân Phong, Hoà An, Bình Đa. 0 giờ đêm ngày 2-1-1946, các lực lượng với trên 500 quân, bất ngờ tấn công vào

thành Săng đá, các bót gác ở cầu Gành, nhà máy cưa BIF, sở hiến binh, nhà ga, bưu điện, hãng dầu, nhà thông tin... trong tình ly Biên Hoà. Tình ly Biên Hoà chìm trong tiếng súng và lựu đạn. *“Khấp bầu trời thị xã như sôi lên sùng sục pha lẫn sấm sét. Lửa cháy sáng rực. Súng nổ rền trời. Lựu đạn đem theo tiếng nổ ùng ùnh như pháo đại. Những nơi ta định đến đều đến được, trừ một số hầm nhà cố thủ của bọn địch. Khói đen còn dựng cột giữa lòng thị xã. Tiếng súng còn lại lác đác nổ. Một đám tù binh Việt gian bị trời dẫn lệch thếch theo đoàn quân. ..”*

Cuộc tiến công mang ý nghĩa chính trị nhiều hơn về quân sự. Tiếng súng kháng chiến ở Biên Hoà nhanh chóng lan đi Sài Gòn và các nơi, đập tan lời huênh hoang của giặc Pháp là đã dẹp được Việt Minh. Tiếng súng từ Biên Hoà cổ vũ các tầng lớp nhân dân yêu nước từ các đồn điền cao su, từ Sài Gòn, Chợ Lớn, trong các vùng địch vừa tạm chiếm thoát ly ra khu kháng chiến.

Âm vang chiến thắng ở Biên Hoà còn đang được ca ngợi, ngày 6-1-1946, cử tri quận Châu Thành nô nức cầm lá phiếu tự do để bầu cử Quốc hội khoá đầu tiên trong cả nước. Tại các xã đều lập thùng phiếu có kết hoa, có treo cờ Tổ quốc và ảnh Hồ Chủ tịch trang nghiêm. Các đại biểu Hoàng Minh Châu, Phạm Văn Búng, Điều Tiên (người dân tộc ở Xuân Lộc) đã trúng cử. Trong 2 ngày 20 và 21-1, giặc Pháp hai lần cho tàu dò đường theo sông Đồng Nai từ Biên Hoà lên Tân Uyên về đều bị Vệ quốc đoàn Biên Hoà chặn đánh phải rút lui.

Đoán biết ý đồ giặc Pháp sẽ tiến công vào chiến khu Tân Uyên, Khu trưởng khu 7 Nguyễn Bình bố trí nhiều lực lượng chuẩn bị đánh địch. Vệ quốc đoàn Châu Thành được phân công chặn địch tại cầu Rạch Gốc (Biên Hoà), đánh địch từ lộ 24 lên. Phân đội 4 (Vệ quốc đoàn Biên Hoà) bố trí tại Cây Đào chặn địch từ Tân Phong qua.

Sáng ngày 24-1, 4000 quân Pháp có tàu chiến và 4 máy bay yểm trợ tấn công vào chiến khu Tân Uyên.

Ở Cây Đào, địch chuyên quân bằng xe cơ giới có xe AM bọc thép đi đầu. Phân đội 4 chặn đánh địch tại giếng Mọi (ranh Bình Ý-Bình Thạnh). Tuy địch đông gấp nhiều lần, phân đội 4 đã bám trận địa đánh trả quyết liệt từ 6 giờ sáng đến 11 giờ trưa, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Sau đó, do lực lượng chênh lệch, phân đội phải rút về Tân Định, vượt sông Đồng Nai về Tân Tịch tham gia bảo vệ căn cứ.

Trên hướng lộ 24, Vệ quốc đoàn Châu Thành bố trí một mũi tại đầu cầu Rạch Gốc và một mũi từ sông Đồng Nai phòng địch đổ quân bằng tàu. Giặc Pháp tiến công theo đường bộ và đường sông đúng như dự kiến của ta. Bám công sự, Vệ quốc đoàn Châu Thành nổ súng chặn địch. Trận chiến đấu giằng co từ 6 giờ sáng đến 12 giờ trưa, ta gây cho địch nhiều thiệt hại, bắn hạ 1 tên quan ba Pháp (đại úy), buộc chúng phải rút lui. Khu trưởng Nguyễn Bình đã tặng lá cờ chiến thắng cho bộ đội quận Châu Thành và điều lực lượng về đứng chân ở Tân Định, Đại An hỗ trợ mặt trận Tân Uyên.

Chiếm được Cây Đào, giặc Pháp tổ chức chi khu Cây Đào từ đó bung ra xây dựng các đồn bót Tân Xuân, Cẩm Vinh (Tân Triều), Bình Long, Lợi Hoà, Tân Phú, miếu Bà Cô (Thiện Tân), Bình Thạnh v.v... tạo thành một hệ thống phòng thủ bao vây phía nam chiến khu Tân Uyên. Ở các xã, địch lập lại bộ máy tề tổng, tề xã kìm kẹp nhân dân với những tên tay sai như cai tổng Lê Văn Truyện, Cả Lắm... bót Tân Xuân, địch đưa tên Phước (lai Pháp) khét tiếng ác ôn, chuyên cướp của, đốt nhà hãm hiếp phụ nữ, làm bót trưởng.

Nhân cơ hội giặc Pháp tiến hành lập đồn bót, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ đã bố trí nhiều cơ sở vào làm lính ở Lợi Hoà, Bình Long, chờ thời cơ rút người lấy súng ra cho kháng chiến.

Anh Lê Văn Phụng (thường gọi là Ba Trợn) là hạ sĩ cũ của Pháp được đồng chí Huỳnh Văn Nghệ bố trí ra trình diện và được giặc Pháp cử làm xếp bót Lợi Hoà. Đồng chí Lê Văn Bạch (Chín Hồng) được bố trí làm thông ngôn. Đồng chí đã vận động được 12 thanh niên ở Lợi Hoà vào làm lính ở đây chờ thời cơ. Tạo được cơ sở trong bót Lợi Hoà, ta đã tránh cho nhân dân vùng này nhiều sự nhùng nhể do giặc Pháp gây ra.

Ngày 6-3-1946, Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp, hiệp định sơ bộ, đặt cơ sở cho việc đàm phán tiến tới một hiệp ước chính thức.

Ngày 10-4-1946, tại miếu Bà Cô (Thiện Tân) đã diễn ra một sự kiện có ý nghĩa chính trị, tỏ rõ thiện chí của quân kháng chiến Việt Minh ở miền Đông, quân kháng chiến miền Đông thỏa thuận tiếp tục thương thuyết đình chỉ chiến sự theo tinh thần hiệp ước sơ bộ 6-3.

Phái đoàn Pháp do tướng Ngô cảm đầu. Phái đoàn ta gồm các đồng chí Võ Bá Nhạc, Phạm Thiều, Huỳnh Văn Nghệ, Lê Đình Chi.

Cuộc thương thuyết kéo dài nhiều phiên. Nhưng trái ngược với thiện chí của phái đoàn ta, giặc Pháp lại buộc lực lượng kháng chiến phải giải giáp, nếu sẽ không dùng sức mạnh quân sự tiêu diệt. Phái đoàn ta đã chủ động cắt

đứt cuộc thương thuyết. Cuộc thương thuyết không thành, nhưng qua đó đã vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, tỏ rõ được sức mạnh của kháng chiến: Việt Minh vẫn tồn tại và phát triển chứ không tan rã như thực dân Pháp rêu rao.

Cuối tháng 4-1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Bí thư Khu ủy miền Đông đã về Biên Hoà, triệu tập một cuộc họp tại Cù Lao Vặt (Bình Hoà) với những đồng chí còn bám trụ khi giặc Pháp trở lại. Trong cuộc họp, đồng chí Trần Minh Trí được chỉ định làm Bí thư và đồng chí Huỳnh Văn Lũy làm Phó Bí thư, Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh; đồng chí Huỳnh Văn Nghệ làm Ủy viên quân sự tỉnh. Đồng chí Nguyễn Đức Thuận giải thích rõ: Chỉ thị “Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán” là sách lược để Đảng rút vào bí mật hoạt động. Do đó, nhiệm vụ của Đảng bộ là tiếp tục lãnh đạo nhân dân trong tỉnh đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Sau hội nghị, Quận ủy Châu Thành được chỉ định gồm 3 đồng chí Phạm Văn Diêu (tức Lê Lên), Bí thư và 2 đồng chí Thêm, Sinh. Quận ủy Châu Thành phân công cán bộ xuống xã củng cố lại các Ủy ban và Mặt trận Việt Minh, tích cực tuyên truyền xây dựng cơ sở kháng chiến.

Sau cuộc họp ở Bình Hoà, công an miền Đông cũng mở một cuộc họp ở gò Dõ Sa (Lợi Hoà) chuyên tổ chức quốc gia tự vệ cuộc thành công an tỉnh. Đồng chí Hồ Văn Đại được cử làm kiểm soát viên để chuẩn bị cho việc thành lập công an tỉnh.

Ban kiểm soát công an tổ chức quận Châu Thành và Long Thành làm 5 khu vực để đảm bảo liên lạc giữa các lổm căn cứ Bình Ý, Hố Cạn (Tân Phong), Bình Đa (Tam Hiệp), Phước Cang (Bến Gỗ). Nhiệm vụ của các khu vực công an là xây dựng công an xã, xây dựng cơ sở quần chúng, phát triển Đảng làm nòng cốt cho ủy ban xã, diệt tề trừ gian làm trong sạch địa bàn.

Đến cuối năm 1946, các khu vực công an đều xây dựng chi bộ Đảng, cảm số đảng viên này về làm công an xã, mở các lớp huấn luyện, xây dựng nhiều mật hộ viên làm tai mắt cho cách mạng, các đảng viên trong chi bộ công an hầu hết đều trưởng thành, làm nòng cốt xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể trong tỉnh.

Ngay sau khi cuộc thương thuyết ở miếu Bà Cô không thành, từ ngày 18-4 đến 21-4-1946, 8000 quân Pháp có tàu chiến, máy bay do tướng Le-clerc (Leclerc) chỉ huy mở hai mũi tiến công đường thủy và đường bộ vào chiến khu Đ. Vệ quốc đoàn Châu Thành do đồng chí Lê Văn Ngọc chỉ huy, trong